



Mục lục

SỰ KIỆN

3 VŨ VĂN HIẾN:

Vang mãi bài ca thống nhất

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

6 NGUYỄN TRỌNG PHÚC:

Nhân tố bảo đảm sự thống nhất bền vững trong Đảng

17 PHẠM XUÂN NAM:

Những giá trị văn hóa, giá trị chuẩn mực con người Việt Nam tiêu biểu cần xây dựng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế

29 VŨ HOÀNG CÔNG:**Chống tham nhũng có phải là đấu đá phe phái?**

38 BÙI QUẢNG BẠ:**Từ “xã hội dân sự” đến đa nguyên, đa đảng - lộ trình thay đổi thể chế chính trị ở Việt Nam**

LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

52 TRẦN VĂN BÌNH:**Về định hướng xây dựng và phát triển con người Việt Nam trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế**

THÔNG TIN - TƯ LIỆU

59 Bộ Chính trị ra quy định kiểm điểm, đánh giá chất lượng đảng viên

62 Hướng dẫn thực hiện một số điều trong Quy định số 102 - QĐ/TW ngày 15-11-2017 của Bộ Chính trị

64 Tọa đàm về cải cách chính sách tiền lương và bảo hiểm xã hội

68 Sơ kết một năm thực hiện chương trình phối hợp giữa Thành ủy Hà Nội và Hội đồng Lý luận Trung ương

71 Hội thảo khoa học “Phê phán các quan điểm sai trái, bảo vệ chủ trương, đường lối của Đảng”



VANG MÃI BÀI CA THỐNG NHẤT

● GS, TS VŨ VĂN HIỀN

Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương



Có những sự kiện lịch sử diễn ra như một tất yếu, như có sự sắp đặt của tạo hóa, càng thêm thời gian càng nhận rõ hơn vị trí và ý nghĩa đặc biệt của nó. Thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, giải phóng miền Nam, thống

nhất đất nước là một sự kiện chính trị như thế. Bốn mươi ba năm đã trôi qua càng cho ta củng cố niềm tin vững chắc khi khẳng định rằng Chiến thắng ngày 30/4/1975 không chỉ là mốc son tươi sáng trong lịch sử hào hùng của dân tộc ta mà thực sự còn là một kỳ tích lịch sử, một bài

ca thống nhất với giai điệu tuyệt vời không bao giờ quên.

Sự kỳ diệu của chiến thắng vang dội địa cầu này được tạo lập bởi các yếu tố sau:

Một là, sự chuẩn xác đến kỳ diệu trong việc nhận định thời cuộc để định hướng chiến lược của Trung ương Đảng ta. “Trông Bắc, trông Nam, trông cả địa cầu”, “biết người, biết ta”, nhận định đánh giá đúng tình hình đã là một nửa của thắng lợi. Có thể nêu những dẫn chứng cụ thể cho thấy sự nhận định tuyệt vời và chỉ đạo chuẩn xác của Trung ương Đảng ta. Ngay sau ngày Hiệp định Paris có hiệu lực, Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam đã dự báo hai khả năng: Khả năng thứ nhất là hòa bình được duy trì, hiệp định được thực hiện từng bước và phong trào cách mạng miền Nam có điều kiện phát triển những bước mới. Khả năng thứ hai là chiến tranh sẽ tiếp tục do âm mưu chiến lược của Mỹ cố bám giữ khu vực Đông Dương và do bản chất phản động, ngoan cố của Mỹ và tập đoàn thống trị tư sản mại bản. Thực tế tình hình phát triển theo khả năng thứ hai.

Tháng 10 năm 1973, Hội nghị Trung ương lần thứ 21 của Đảng đã khẳng định con đường cách mạng miền Nam là bạo lực cách mạng. Bất kể trong tình huống nào, ta cũng phải nắm vững thời cơ, giữ vững đường lối chiến lược tiến công và chỉ đạo linh hoạt để đưa cách mạng miền Nam tiến lên. Tháng 10 và tháng 12 năm 1974, tập thể Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương họp 2 lần, thống nhất quyết tâm chiến lược và thông qua kế hoạch giải phóng miền Nam trong thời gian 2 năm 1975-1976. Một phương án quyết tâm cao và chuẩn xác được đưa ra: Nếu thời cơ đến thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975.

Hai là, sự tài tình trong việc nắm bắt và tận dụng thời cơ, phát động tổng tiến công đúng lúc, đánh trúng yếu huyệt của địch, tạo thế thần tốc để chiến thắng trọn vẹn. Thời cơ chỉ xuất hiện trong một thời gian ngắn, được ví như mũi tên bay hoặc nhanh hơn, như một tia chớp. Vào nửa cuối năm 1974, ở miền Nam, cuộc chiến tranh cách mạng của quân và dân ta chống lại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” đã giành được những

thắng lợi hết sức quan trọng. Thế và lực của ta đang mạnh lên, lực lượng của chính quyền Sài Gòn suy yếu rõ rệt. Trong khi đó nội bộ nước Mỹ đang lâm vào khủng hoảng nghiêm trọng. Trước bối cảnh như vậy, cuộc tổng tiến công được mở đầu từ ngày 4 tháng 3 năm 1975 bằng ba đòn cực hiểm: Chiến dịch Tây Nguyên đột phá đánh chiếm Buôn Ma Thuột, giải phóng Tây Nguyên, Chiến dịch giải phóng Huế, Đà Nẵng và Chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn - Gia Định, kết thúc vào ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Thứ ba, sự hoàn hảo và trọn vẹn của thắng lợi. Thắng lợi của cuộc Tổng tiến công mùa Xuân 1975 không thể hoàn hảo hơn và trọn vẹn hơn. Trong một thời gian ngắn, chỉ 58 ngày đêm, với khí thế cách mạng dâng trào như nước vỡ bờ, cuộc Tổng tiến công đã thắng lợi, thống nhất đất nước, đưa giang sơn thu về một mối, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Do được chuẩn bị lực lượng một cách chu đáo, cả trong chiến trường miền Nam và tiềm năng của miền Bắc, cùng với sự ủng hộ to lớn của

các nước bạn bè và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên toàn thế giới; lại phát động tấn công và nổi dậy đúng lúc, tổ chức chỉ huy các chiến dịch năng động, sáng tạo với sức mạnh và khí thế áp đảo, thần tốc, chúng ta đã giành được thắng lợi trọn vẹn. Điều đặc biệt là cuộc tổng tấn công nổ ra như sấm sét, như bão táp mà ít bị tổn thất, thành phố Sài Gòn hầu như còn nguyên vẹn. Không chỉ có thế, thắng lợi của Cuộc tổng tấn công 1975 là bài ca về chủ nghĩa anh hùng cách mạng, chặt đứt xiềng xích của chủ nghĩa thực dân kiểu mới, đóng góp quan trọng cho phong trào độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội trên toàn thế giới.

Kỳ diệu thay thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, thắng lợi huy hoàng của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Đó là một thắng lợi lịch sử, là bài ca mãi mãi không quên – bài ca thống nhất đất nước. Làm nên bài ca hào hùng ấy là quân đội và nhân dân Việt Nam anh hùng dưới sự lãnh đạo tài tình của đội quân tiên phong là Đảng ta - Đảng Lao động Việt Nam và nay là Đảng Cộng sản Việt Nam.



NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

NHÂN TỐ BẢO ĐẢM SỰ THỐNG NHẤT BỀN VỮNG TRONG ĐẢNG

● PGS, TS NGUYỄN TRỌNG PHÚC

Đảng Cộng sản Việt Nam là một đảng chính trị, một đảng chân chính, cách mạng, đội tiên phong lãnh đạo sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam từ năm 1930 đến nay và đã đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác để có được cơ đồ vẻ vang như ngày nay. Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo, rèn luyện và ngay từ đầu và suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng tuân thủ nguyên tắc của một đảng cách mạng kiểu mới mà C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin và Hồ Chí Minh đã đề ra. Một trong những nguyên tắc căn bản đó là Đảng phải

luôn luôn thống nhất thành một khối vững chắc cả về tư tưởng và hành động, không chấp nhận sự tồn tại bè phái trong Đảng. Đảng là tổ chức ưu tú nhất của giai cấp và dân tộc. Sự thống nhất về tổ chức và phương thức hành động là yêu cầu khách quan và cũng là yêu cầu tự thân của đảng cộng sản chân chính.

Khi tổ chức, xây dựng một đảng cách mạng kiểu mới đủ trí tuệ và năng lực lãnh đạo phong trào vô sản và sự nghiệp đấu tranh tự giải phóng của nhân dân lao động, V.I.Lênin đặc biệt coi trọng xây dựng Đảng về tư tưởng, lý luận, về mục tiêu chính trị rõ ràng và sức mạnh tổ chức của Đảng, bảo đảm sự thống nhất tổ chức của Đảng.

Sự thống nhất ấy đòi hỏi phải lựa chọn những đảng viên ưu tú, loại bỏ những phần tử xét lại, cơ hội chủ nghĩa, bảo đảm sự tập trung trong lãnh đạo và tính tổ chức nghiêm ngặt.

Tính tổ chức bảo đảm cho sự thống nhất trong Đảng và sự lãnh đạo thông suốt. V.I.Lênin lưu ý phải phân biệt: “những phần tử có tổ chức với những phần tử không có tổ chức, những phần tử chịu sự lãnh đạo với những phần tử không chịu sự lãnh đạo, những phần tử tiên tiến với những kẻ lạc hậu bất trị”, “sự lẫn lộn đó mới thật sự nguy hiểm”¹. Nếu đưa những phần tử không có tổ chức, không chịu sự lãnh đạo, những kẻ lạc hậu, bất trị đó vào Đảng sẽ là hành động phá hoại Đảng dẫn tới bè phái. Nguyên tắc tập trung dân chủ, sự lãnh đạo tập trung của Đảng nhất là sự lãnh đạo của cơ quan trung ương của Đảng là sự bảo đảm sự thống nhất vững chắc của toàn Đảng.

Theo Lênin, nếu trong Đảng có biểu hiện không chịu sự lãnh đạo, không chịu phục tùng sự lãnh đạo sẽ không thể có sự thống nhất và dẫn tới chia rẽ và đó là điều nguy hiểm đối với một đảng chân chính cách

mạng. Chủ tịch Hồ Chí Minh thấm nhuần những chỉ dẫn của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin, đã tập trung đào tạo, rèn luyện những cán bộ, những phần tử trung kiên nhất để đi tới thành lập một đảng cách mạng. Trong quá trình hoạt động, lãnh đạo của Đảng, Người đòi hỏi Đảng gồm nhiều người nhưng trong tư tưởng và hành động chỉ là một.

Tháng 10-1947, trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu ra 12 điều về tư cách của Đảng chân chính cách mạng, trong đó Người nhấn mạnh:

“Đảng phải chọn lựa những người rất trung thành và rất hăng hái, đoàn kết họ thành nhóm trung kiên lãnh đạo”.

“Đảng phải luôn luôn tẩy bỏ những phần tử hủ hoá ra ngoài”.

“Đảng phải giữ kỷ luật rất nghiêm từ trên xuống dưới.

Kỷ luật này là tư tưởng phải nhất trí, hành động phải nhất trí.

Kỷ luật này là do lòng tự giác của đảng viên về nhiệm vụ của họ đối với Đảng”².

Trong *Di chúc* (1969), Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: “Đoàn kết là một

truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”³.

Đảng Cộng sản Việt Nam trong lãnh đạo quá trình cách mạng và trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng luôn luôn nhận thức sâu sắc và hành động đúng đắn theo những chỉ dẫn của các bậc thầy của chủ nghĩa cộng sản. Vì vậy, trên thực tế Đảng đã giữ vững sự đoàn kết trong Đảng, kiên quyết chống sự chia rẽ hay bất cứ biểu hiện nào của chủ nghĩa bè phái. Trong hoạt động thực tiễn, để bảo đảm sự thống nhất bền vững, Đảng chú trọng giải quyết những vấn đề cốt yếu.

Thứ nhất, nếu có quan điểm, nhận thức khác nhau về một vấn đề nào đó thì cần phải trao đổi, thảo luận kỹ, thậm chí phải chờ đợi nhau và từ thực tiễn để đi đến thống nhất nhận thức. Khi thành lập Đảng, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc-Hồ Chí Minh từ đặc điểm và mâu thuẫn của xã hội Việt Nam, đề cao vấn đề đấu tranh dân tộc nhằm làm cho nước Nam hoàn toàn độc lập. Nhưng một số đồng chí lại đề cao đấu

tranh giai cấp theo quan điểm của Quốc tế Cộng sản. Từ thực tiễn cách mạng, tại Hội nghị lần thứ sáu (11-1939) do Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ chủ trì, Trung ương Đảng đã chủ trương nêu cao ngọn cờ giải phóng dân tộc. Quan điểm của Trung ương và của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc hoàn toàn thống nhất. Ngày 28-1-1941, Nguyễn Ái Quốc về nước cùng Trung ương hoàn thiện đường lối cách mạng giải phóng dân tộc, đại đoàn kết toàn dân tộc, dẫn đến thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Cuối những năm 70, đầu những năm 80 của thế kỷ XX, kinh tế-xã hội lâm vào khủng hoảng. Đất nước đứng trước yêu cầu khách quan phải đổi mới. Chỉ có đổi mới mới tồn tại và phát triển và điều này đã trở thành mệnh lệnh của cuộc sống. Nhưng vẫn có một số ý kiến không muốn đổi mới, phản ánh sự bảo thủ, trì trệ trong nhận thức và hành động. Phải từ khảo nghiệm thực tế, đổi mới từng phần có hiệu quả mới khẳng định xu thế, biện pháp đổi mới là cần thiết, bức thiết, đúng đắn từ đó Đảng đi đến thống nhất quyết định đường lối đổi mới tại Đại hội VI (12-1986).

Tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc hay kháng chiến chống xâm lược để tìm được sự thống nhất và quyết tâm chung. Nhưng xây dựng và phát triển đất nước như thế nào để tiến tới chủ nghĩa xã hội thường có nhận thức khác nhau. Phải từ thực tiễn đất nước để làm rõ quy luật khách quan.

Cuộc đấu tranh chống suy thoái, tiêu cực, tham nhũng mấy năm gần đây, nhất là từ sau Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI (1-2012) và Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII (10-2016) là chủ trương lớn phù hợp lòng dân và ý Đảng. Song không phải không có người không tin có thể làm được, thậm chí thờ ơ, lảng tránh coi đó là việc của người khác, cơ quan khác. Các thế lực thù địch lợi dụng việc này để chia rẽ nội bộ Đảng, dựng chuyện trong Đảng đang có phái này, phái kia và vu cáo chống tham nhũng đang tiến hành chỉ là “cuộc chiến thanh trừng phe phái trong nội bộ Đảng”. Thực tiễn, những kết quả và chuyển biến tích cực của cuộc đấu tranh chống suy thoái, tiêu cực, nhất là chống tham nhũng với những vụ việc kỷ luật cả những cán bộ lãnh đạo cao cấp, đưa ra xét xử những vụ án

kinh tế, tham nhũng lớn đã khẳng định trong cuộc đấu tranh khó khăn, phức tạp đó không có vùng cấm, không có chuyện hạ cánh an toàn. Chỉ có việc Đảng và Nhà nước xử lý nghiêm minh bằng kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước đối với những cán bộ, đảng viên sai phạm, bất kỳ họ ở cương vị nào. Quyết tâm và cách làm bài bản có hiệu quả đã củng cố niềm tin trong toàn Đảng, toàn dân. Đó là cơ sở quan trọng để thống nhất nhận thức và hành động. Khi đã thành phong trào mạnh mẽ vì sự trong sạch, vững mạnh của Đảng vì lợi ích của nhân dân và sự phát triển của đất nước thì không ai có thể đứng ngoài cuộc.

Công cuộc đổi mới đã làm sáng tỏ và nhận thức ngày càng rõ hơn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Điều đó có ý nghĩa sâu sắc củng cố sự thống nhất nhận thức trong Đảng, nhận thức trên cơ sở khoa học và hiện thực.

Thứ hai, thường xuyên tự phê bình và phê bình và thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc xây dựng và hoạt động của Đảng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ trong *Di chúc*: “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh *tự phê bình và phê bình* là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất trong Đảng”. Tự phê bình và phê bình là một nguyên tắc và quy luật phát triển của một Đảng chân chính cách mạng. Nguyên tắc và quy luật đó luôn luôn gắn bó hữu cơ với nguyên tắc tập trung dân chủ, nguyên tắc đoàn kết thống nhất trong Đảng, nguyên tắc Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân và nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế trong sáng.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, cùng với những quyết sách đúng đắn bảo đảm đưa cách mạng đi đến thắng lợi, Đảng cũng có lúc phạm sai lầm, khuyết điểm. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “một Đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng. Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính”⁴.

Đảng Cộng sản Việt Nam đã thực hiện nghiêm chỉnh chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Mỗi lần mắc khuyết điểm, Đảng đều kịp thời phát hiện tự phê bình và đề ra cách sửa chữa. Năm 1939, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã viết tác phẩm *Tự chỉ trích* để sửa chữa chủ trương của một số đồng chí không đúng với đường lối của Đảng. Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã nêu rõ:

“Công khai, mạnh dạn, thành thực vạch những nhầm lẫn của mình và tìm phương châm sửa đổi, chống những xu hướng hoạt đầu thỏa hiệp, như thế không phải làm yếu Đảng, mà làm cho Đảng được thống nhất, mạnh mẽ. Làm như thế không sợ địch nhân lợi dụng, chửi rủa, vu cáo cho Đảng, không sợ “nổi giáo cho giặc”⁵. Tự chỉ trích để sửa chữa khuyết điểm, để Đảng củng cố sự thống nhất nhận thức và hành động. Vì thế, “những kẻ nghịch, chớ vội hí hờn tìm ở đây một sự chia rẽ hay mầm bè phái gì giữa những người cộng sản mà uống công”⁶. “Chúng ta không cãi vã những chuyện nhỏ nhen. Chúng ta là người cách mạng, chúng ta đứng về lợi ích về công cuộc

của dân chúng mà chỉ trích những khuyết điểm”⁷.

Gần tám mươi năm trước, Tổng Bí thư của Đảng đã nêu rõ quan điểm kiểu mẫu về mục tiêu, thái độ và phương pháp tự chỉ trích trong Đảng và vẫn nguyên giá trị khoa học, cách mạng cho đến ngày nay. Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, có một số cán bộ, đảng viên nắm chức vụ trong chính quyền đã phạm những lỗi lầm như: *Trái phép, Cậy thế, Hủ hóa, Tự túng, Chia rẽ, Kiêu ngạo*. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phê bình nghiêm khắc trong thư gửi Ủy ban nhân dân các cấp ngày 17-10-1945. Ngày 28-1-1946, Hồ Chí Minh có bài *Tự phê bình* về những gì Chính phủ làm còn chưa tốt. Tháng 10-1947, Người viết *Sửa đổi lối làm việc* đặt lên hàng đầu vấn đề phê bình và sửa chữa khuyết điểm. Sai lầm trong cải cách ruộng đất năm 1956, Trung ương Đảng đã công khai tự phê bình trong nội bộ và trước nhân dân và đã sửa sai kịp thời. Tại Đại hội VI của Đảng (12-1986), với thái độ *nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật*, Đảng đã nghiêm khắc tự phê bình về “những sai lầm nghiêm trọng

và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn”, về bệnh giáo điều, chủ quan duy ý chí, nóng vội và quyết tâm sửa chữa bằng đổi mới tư duy, vận dụng đúng đắn quy luật khách quan, nắm chắc thực tiễn đất nước để ra đường lối đổi mới thích hợp.

Trong công cuộc đổi mới, Đảng đã nhiều lần tự phê bình về những hạn chế, yếu kém trong lãnh đạo và trong công tác xây dựng Đảng qua các kỳ đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng. Nhiều hội nghị trung ương đã thẳng thắn chỉ rõ những khuyết điểm về xây dựng Đảng ảnh hưởng đến nâng cao vai trò lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, chú trọng xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Đó là Nghị quyết Trung ương 6 khóa VI (3-1989), Nghị quyết Trung ương 7 khóa VI (8-1989), Nghị quyết Trung ương 8 khóa VI (3-1990), Nghị quyết Trung ương 3 khóa VII (6-1992), Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII (2-1999), Nghị quyết Trung ương 4 khóa X (2-2007).

Đặc biệt, Hội nghị Trung ương 4 khóa XI (1-2012) đã ban hành nghị quyết *Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay*; Hội nghị Trung ương 4 khóa XII (10-2016) ban hành

ng nghị quyết Về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Đảng và nhân dân đều nhận thức rõ một thực tế là sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Khuyết điểm, yếu kém về xây dựng Đảng sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới sự lãnh đạo của Đảng và sự phát triển của đất nước. Vì vậy, cần được nhận diện rõ và sửa chữa kịp thời. Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI thẳng thắn nhìn nhận:

“Bên cạnh kết quả đạt được, công tác xây dựng Đảng vẫn còn không ít hạn chế yếu kém, thậm chí có những yếu kém, khuyết điểm kéo dài qua nhiều nhiệm kỳ chậm được khắc phục, làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với Đảng; nếu không được sửa chữa sẽ là thách thức đối với vai trò lãnh đạo của Đảng và sự tồn vong của chế độ”⁸.

Từ năm 2012, thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, toàn Đảng đã tiến hành đồng bộ các giải pháp được đề ra, trong đó giải pháp hàng đầu là

tự phê bình và phê bình, nêu cao tính tiên phong, gương mẫu của cấp trên. Cùng với tự phê bình và phê bình là siết chặt kỷ luật Đảng và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát. Từ năm 2012 đến hết năm 2015, đã xử lý kỷ luật 54.000 cán bộ, đảng viên với các hình thức, mức độ khác nhau. Tuy vậy, “Thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, một số việc chưa đạt mục tiêu, yêu cầu đề ra. Tự phê bình và phê bình nhiều nơi mang tính hình thức; vẫn còn tình trạng nể nang, né tránh, ngại va chạm; một số cán bộ, đảng viên thiếu tự giác nhận khuyết điểm và trách nhiệm của mình trong công việc được giao”⁹.

Hội nghị Trung ương 4 khóa XII (10-2016) là bước tiến quan trọng và đặc biệt nghiêm khắc khi trong nghị quyết đã chỉ rõ những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, về đạo đức, lối sống và biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, tiếp tục nêu rõ những hạn chế, khuyết điểm trong công tác xây dựng Đảng. Những hạn chế, khuyết điểm đó “làm giảm sút vai trò lãnh đạo của Đảng; làm tổn thương tình cảm và suy giảm niềm tin của nhân dân đối với Đảng,

là một nguy cơ trực tiếp đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ”¹⁰.

Tự phê bình nghiêm khắc gắn liền với hành động mạnh mẽ, có trách nhiệm và sửa chữa có hiệu quả thông qua siết chặt kỷ luật Đảng, kỷ cương, pháp luật Nhà nước. Đó là thực tế đã và đang diễn ra trong thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng và Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII. Những kết quả đó đã củng cố vững chắc hơn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng. Các thế lực thù địch dù với động cơ và thủ đoạn gì cũng không thể kích động hình thành phe phái và chia rẽ nội bộ Đảng.

Thứ ba, sự đoàn kết, thống nhất vững chắc trong Đảng phải được bảo đảm với nền tảng tư tưởng, bằng Cương lĩnh, đường lối đúng đắn, nguyên tắc tổ chức và kỷ luật của Đảng.

Khi chuẩn bị những điều kiện để thành lập Đảng, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã nhận thức rõ, cách mạng trước hết phải có Đảng cách mạng lãnh đạo mới thành công. Đảng phải có chủ nghĩa làm cốt, trong Đảng ai cũng phải hiểu và phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn,

tàu không có bàn chỉ nam. Sau này, Người nhấn mạnh: Đảng không có lý luận cũng như người đi trong đêm tối hay nhắm mắt mà đi. Lý luận mang tính khoa học và cách mạng đó là chủ nghĩa Mác-Lênin. Quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng và Hồ Chí Minh đã vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào thực tiễn Việt Nam, đề ra *Cương lĩnh, đường lối đúng đắn* đưa cách mạng đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Từ chế độ phong kiến lạc hậu và thân phận nô lệ trong chế độ thuộc địa, dân tộc Việt Nam do Đảng lãnh đạo đã giành được độc lập, thống nhất hoàn toàn, đang xây dựng đất nước giàu mạnh phồn vinh “sánh vai với các cường quốc năm châu” như ước muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Với thành quả lãnh đạo đó, “Đảng ta xứng đáng là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ và vị thế như ngày nay”¹¹.

Đảng lấy chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động là quan điểm nhất quán và được tổng kết từ thực tiễn cách mạng Việt Nam. Chính thực tiễn cách

mạng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và chiến tranh cách mạng, chính quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa và đổi mới ở Việt Nam đã chứng minh bản chất cách mạng, khoa học và giá trị bền vững của học thuyết Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là quá trình hiện thực hóa thành công nền tảng tư tưởng, lý luận và cũng là bảo đảm cho sự thống nhất nhận thức và hành động trong Đảng.

Hồ Chí Minh tiếp thu lý luận Mác-Lênin từ cội nguồn, tránh được những nhận thức lệch lạc, thậm chí không đúng và Người đã truyền bá có hệ thống, sáng tạo lý luận đó vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Cách chiến sĩ cộng sản Việt Nam nghiên cứu, học tập chủ nghĩa Mác-Lênin không hời hợt, ở trong nhà tù của đế quốc cũng ra sức học tập với niềm tin vững chắc. Ở mọi thời kỳ cách mạng, Đảng kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa xét lại, cơ hội, xuyên tạc hoặc phủ định chủ nghĩa Mác-Lênin. Khi các Đảng Cộng sản, các nước xã hội chủ nghĩa lâm vào khủng hoảng từ năm 1989, xa rời chủ nghĩa Mác-

Lênin dẫn tới sụp đổ mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô, Đông Âu, Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn kiên định chủ nghĩa Mác-Lênin, coi đó là một nguyên tắc chỉ đạo đổi mới. Đó là cái căn bản để thống nhất nhận thức, hành động trong Đảng, làm thất bại mưu toan đòi đa nguyên chính trị và chế độ đa đảng. Kiên định chủ nghĩa Mác-Lênin với sự vận dụng phát triển sáng tạo đã bảo đảm tính đúng đắn, khoa học của *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* và đường lối đổi mới và có được thành tựu như ngày nay.

Đại hội VII của Đảng (6-1991) khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với chủ nghĩa Mác-Lênin là nền tảng tư tưởng của Đảng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Việc nghiên cứu và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công cuộc đổi mới đã có những thành quả quan trọng. Đại hội IX của Đảng (4-2001) đã tổng kết những nội dung căn bản của tư tưởng Hồ Chí Minh. Ngày 15-5-2016, Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 05-CT/TW về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức,

phong cách Hồ Chí Minh, khẳng định những di sản lớn lao Hồ Chí Minh để lại cho Đảng và dân tộc.

Sự thống nhất về hệ tư tưởng là bảo đảm sự thống nhất về mục tiêu, nhiệm vụ chính trị và sự vững chắc về tổ chức. Từ trước tới nay, các thế lực thù địch tìm mọi cách để chia rẽ nội bộ Đảng với những thủ đoạn kích động, lôi kéo người này, người khác đồng thời tiến công vào nền tảng tư tưởng, lý luận của Đảng. Mọi mưu toan phủ định chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh chỉ là dùng bàn tay che mặt trời. Chính thực tiễn cách mạng Việt Nam, công cuộc đổi mới với những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử đã và đang chứng minh sức sống và giá trị bền vững của học thuyết Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Để thống nhất nhận thức, hành động và nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII nhấn mạnh:

“Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao nhận thức trong toàn Đảng về ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng và sự cần thiết của việc học tập, nghiên cứu,

vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Có kế hoạch học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận bắt buộc hằng năm đối với cán bộ, đảng viên gắn với việc cung cấp thông tin, cập nhật kiến thức mới phù hợp từng đối tượng, từng cấp, từng ngành, từng địa phương. Thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15-5-2016 của Bộ Chính trị”¹².

Để tiến công vào khối thống nhất vững chắc của Đảng, các thế lực thù địch đòi Đảng phải từ bỏ nguyên tắc tập trung dân chủ-nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng. Đó là nguyên tắc phát huy cao nhất dân chủ trong Đảng với trí tuệ tập thể để có được quyết định tập trung đúng đắn. Tập trung trên cơ sở dân chủ, dân chủ rộng rãi được bảo đảm bởi quyết định tập trung. Nguyên tắc cơ bản đó đòi hỏi cá nhân phục tùng tổ chức, thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, toàn Đảng phục tùng Trung ương. Cán bộ, đảng viên có quyền trình bày ý kiến khi tổ chức đảng nhận xét, quyết định công tác

hoặc thi hành kỷ luật đối với mình. Đảng viên phải nghiêm chỉnh thi hành Điều lệ Đảng và những quy định của Đảng. Nếu không có nguyên tắc tập trung dân chủ thì Đảng trở thành câu lạc bộ, không còn bản chất cách mạng, sức chiến đấu và không thể thực hiện được vai trò lãnh đạo. Cần phải thực hiện tốt hơn nguyên tắc tập trung dân chủ để thực hiện dân chủ trong Đảng thực chất và chống biểu hiện tập trung quan liêu hay lạm quyền, lạm quyền.

Hiện nay, Đảng đang siết chặt kỷ luật Đảng để chống suy thoái, tiêu cực và tham nhũng của một bộ phận cán bộ, đảng viên, làm cho Đảng thật sự trong sạch, vững bền. Nhà nước, Chính phủ đề cao pháp luật trong tổng thể: Kỷ cương - Liêm chính -

Hành động - Sáng tạo - Hiệu quả. Những quyết sách và hành động đó của Đảng, Nhà nước là hợp vận nước và lòng dân, không một thế lực nào có thể nghi ngờ và xuyên tạc. Dù còn một bộ phận cán bộ, đảng viên suy thoái, tiêu cực, tham nhũng, trong đó có cả cán bộ cao cấp, song không vì thế mà suy giảm bản chất cách mạng trong sáng của Đảng. Điều đó càng đòi hỏi quyết tâm chiến đấu chống lại những gì là tiêu cực, lạc hậu và hư hỏng. Trên bước đường đi lên hiện nay dù còn nhiều khó khăn, thử thách, yếu kém, “Chúng ta có quyền tự hào về bản chất tốt đẹp, truyền thống anh hùng và lịch sử vẻ vang của Đảng ta-Đảng của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, đại biểu của dân tộc Việt Nam anh hùng”¹³ ■

¹ V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1979, t.8, tr.286.

^{2,4} Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, t.5, tr.290, 301.

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, t.15, tr.622.

^{5,6,7} ĐCSVN: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2000, t.6, tr.624, 621, 640.

⁸ ĐCSVN: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb CTQG, H, 2012, tr.21-22.

^{9,10,11,12,13} ĐCSVN: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, 2016, tr.22, 23, 20, 60, 20.

NHỮNG GIÁ TRỊ VĂN HÓA, GIÁ TRỊ CHUẨN MỰC CON NGƯỜI VIỆT NAM TIÊU BIỂU CẦN XÂY DỰNG TRONG THỜI KỲ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

● GS, TS. PHẠM XUÂN NAM

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

1. Nói đến giá trị văn hóa là nói đến linh hồn của một nền văn hóa.

Không có nền văn hóa nào không hàm chứa trong nó một hệ giá trị con người nhất định với những đặc trưng riêng. Nhưng nếu đứng từ một góc nhìn chung nhất thì tất cả các nền văn hóa đều có thiên hướng vươn tới một hệ giá trị con người phổ quát – đó là *chân, thiện, mỹ*.

- *Biểu hiện nổi bật của “chân”* là cái thật, cái đúng, là chân lý khách quan. Giá trị của cái thật, cái đúng luôn có sức lôi cuốn con người đi tìm chân lý, nhận thức chân lý. “*Chân*” yêu cầu không chỉ năng lực hiểu biết, khám phá, sáng tạo mà còn cả thái độ ứng xử một cách trung thực, chân thành.

Chân giá trị là giá trị đích thực, nó đối lập với cái giả cả sự giả dối, lừa bịp lẫn sự giả tạo, khiến cưỡng. Đấu tranh cho sự chiến thắng của chân lý và bảo vệ chân lý đòi hỏi phải vạch trần, phê phán và vượt qua những phản chân lý, giả khoa học, giả đạo đức.

- *Biểu hiện tập trung của “thiện”* là cái tốt, sự tử tế, tình cảm vị tha, lòng nhân ái. Đó chính là tình thương yêu con người và đồng loại. “*Thiện*” đối lập với cái ác như cái tốt đẹp đối lập với cái xấu xa. Tính thiện, tấm lòng từ thiện và làm việc thiện đi liền với nhau trong một con người là điều cơ bản của con người có đạo đức. Định hướng giá trị vào cái “*thiện*”, con người có khả năng vươn tới cái tốt,

nảy nở lòng nhân ái, từ đó mà có thái độ khoan dung, độ lượng trong văn hóa ứng xử.

- *Biểu hiện điển hình của “mỹ” là cái đẹp.* Cái đẹp thể hiện nổi bật trong lĩnh vực sáng tạo nghệ thuật, đồng thời cái đẹp cũng có mặt trong tất cả các lĩnh vực của đời sống con người: trong đạo đức và lối sống, trong lời nói và cử chỉ giao tiếp, trong thái độ và hành vi ứng xử giữa người với người. Cái đẹp hiện diện trong cả lĩnh vực tư duy, tư tưởng. Đó là chất lượng thẩm mỹ trong tư duy lôgic chặt chẽ, chính xác, trong trí tưởng tượng sáng tạo mà người ta gọi là “sức bay tư tưởng”.

Cần lưu ý thêm rằng: *chân - thiện - mỹ* (cái thật, cái tốt, cái đẹp) không tách rời nhau mà đan xen với nhau, bổ sung cho nhau. Cái thật chỉ trở thành đẹp khi nó gắn liền với cái tốt. Cái tốt làm cho cái thật và cái đẹp được tồn lên. Còn cái đẹp trước hết phải là cái tốt và cái thật.

2. Từ những điều vừa trình bày trên, ta thấy: Hệ giá trị văn hóa phổ quát *chân - thiện - mỹ*, dù cho nó có thể hiện đúng ba phẩm chất chung nhất của hệ giá trị con người, nhưng

vẫn không đủ để giải thích chi tiết những giá trị đa dạng, phong phú của các cộng đồng người trong nhiều quốc gia dân tộc trên hành tinh chúng ta.

Vì thế, mỗi quốc gia dân tộc đều phải xuất phát từ yêu cầu và điều kiện phát triển cụ thể của chính mình gắn với bối cảnh của thế giới trong từng thời kỳ lịch sử nhất định để xây dựng hệ giá trị con người sao cho phù hợp.

Có thể lấy việc xây dựng hệ giá trị con người của một số quốc gia Đông Nam Á từ nửa sau thế kỷ XX đến nay làm ví dụ.

- *Ở Indônêxia:* Giữa năm 1945, Ủy ban Nghiên cứu xây dựng độc lập của quốc đảo này do Xucácno đứng đầu đã đề xuất một hệ thống năm giá trị (gọi là Pancasila), bao gồm: (1) Thượng đế tối cao; (2) Nhân loại công bằng và văn minh; (3) Sự đoàn kết của Indônêxia; (4) Dân chủ được định hướng bằng trí tuệ thông qua sự thỏa hiệp và đại diện; (5) Công bằng xã hội cho toàn dân¹.

- *Ở Malaixia:* Sau khi thành lập thể chế Liên bang, năm 1970 chính phủ nước này công bố năm “*Nguyên tắc quốc gia*” thể hiện hệ giá trị con

người của đất nước mình - đó là: (1) Tin ở Thượng đế; (2) Trung thành với Vua và đất nước; (3) Tuân thủ hiến pháp; (4) Cai trị bằng pháp luật; (5) Hành vi tốt, đạo đức tốt².

- Ở *Xingapo*: Tiếp theo việc tách khỏi Liên bang Malaixia để xây dựng một quốc gia độc lập, trong đó người Hoa chiếm 77% tổng số dân cư, còn lại là người Mã Lai và người Ấn, năm 1990 chính phủ nước này đưa ra Sách trắng về năm giá trị con người, bao gồm: (1) Quốc gia trên hết, xã hội đầu tiên; (2) Gia đình là gốc, xã hội là thân; (3) Quan tâm giúp nhau, đồng cam cộng khổ; (4) Tìm cái đồng gạt bất đồng, hiệp thương cùng hiểu biết; (5) Chung tộc hài hòa, tôn giáo khoa dung³.

3. Tham khảo hệ giá trị con người của mấy quốc gia láng giềng Đông Nam Á là cần thiết, song vấn đề quan trọng hàng đầu đặt ra đối với chúng ta là phải làm sao đi sâu tìm hiểu hệ giá trị truyền thống của con người Việt Nam trong lịch sử lâu đời của dân tộc, qua đó thấy rõ sự cần thiết phải kế thừa và phát huy những giá trị cơ bản nào, đồng thời đi tới xác định xem cần xây dựng hệ giá trị chuẩn

mục con người mới ra sao nhằm đáp ứng đúng yêu cầu của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay.

Tổng hợp hàng loạt phát hiện của các ngành sử học, khảo cổ học, dân tộc học, ngôn ngữ học lịch sử và văn hóa dân gian (folklore)... những thập niên qua, trong một công trình nghiên cứu của mình xuất bản lần đầu năm 2008, chúng tôi từng đi đến nhận xét cho rằng: Nền văn minh lúa nước sông Hồng như một đỉnh cao văn hóa ở thời Đông Sơn đã tạo nên những sắc thái riêng ban đầu của trí tuệ, tâm hồn, đạo lý, phong tục, tập quán, lối sống của người Việt cổ. “Trong đó, hệ giá trị tinh thần cốt lõi (còn được tiếp tục vun đắp mãi về sau) là lòng yêu nước nồng nàn, ý thức cộng đồng sâu sắc, đạo lý “*thương người như thể thương thân*”, đức tính cần cù, thiết thực, linh hoạt trong lao động sản xuất, tổ chức cuộc sống, xây dựng và bảo vệ đất nước”⁴.

Trước đó Nguyễn Hồng Phong đã cho ra mắt công trình “*Tim hiểu tính cách dân tộc*” (xuất bản lần đầu năm 1963). Với công trình này, tác giả phân tích 5 giá trị đặc trưng của con người Việt Nam thời trung đại và cận

đại, bao gồm: (1) Tập thể cộng đồng; (2) Trọng đạo đức; (3) Cần kiệm - giản dị - thực tiễn; (4) Tinh thần yêu nước bất khuất và lòng yêu chuộng hòa bình nhân đạo; (5) lạc quan. Theo ông, đó là hệ giá trị cổ truyền của con người Việt Nam được biểu hiện tập trung trong văn học nghệ thuật và trong đời sống. Nhưng không phải mọi giá trị cổ truyền nào cũng đều “nhất thành bất biến”. Vì thế khi đất nước đã chuyển sang thời kỳ bắt đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội thì giá trị “tinh thần cộng đồng công xã” trước đây cần chuyển thành “tinh thần tập thể xã hội chủ nghĩa”, giá trị “trọng đạo đức” cần được bổ sung thêm bằng “trọng thực tiễn”⁵.

Một công trình chuyên khảo nổi tiếng nữa về hệ giá trị con người Việt Nam là cuốn “*Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*” do Trần Văn Giàu viết, được tái bản nhiều lần vào mấy thập niên cuối cùng của thế kỷ trước. Ngoài ba chương đầu bàn về khái niệm, bối cảnh lịch sử trong nước và quốc tế, tác giả dành bảy chương để đi sâu phân tích hệ giá trị truyền thống của con người Việt Nam, bao gồm: (1) Yêu nước; (2)

Cần cù; (3) Anh hùng; (4) Sáng tạo; (5) Lạc quan; (6) Thương người; (7) Vì nghĩa. Chương cuối cùng mang chủ đề “*Hồ Chủ tịch kết tinh của giá trị truyền thống và đạo đức cách mạng Việt Nam*”. Với chương này, tác giả chứng minh mối quan hệ tác động qua lại biện chứng giữa những giá trị tinh thần truyền thống với những giá trị mới của dân tộc, mà tấm gương điển hình là tư tưởng, đạo đức của lãnh tụ Hồ Chí Minh⁶.

Sau thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, lịch sử hiện đại Việt Nam mở ra một chương mới. Theo đó nhân dân hai miền Nam - Bắc cùng bước vào giai đoạn đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên do những nguyên nhân chủ quan và khách quan, đất nước đã lâm vào khủng hoảng hơn 10 năm rồi mới dần dần tìm ra con đường đi tới đổi mới toàn diện.

Trong khoảng thời gian ấy, vấn đề phát triển văn hóa, xây dựng hệ giá trị con người Việt Nam đã trở thành nỗi trăn trở chung của toàn Đảng, toàn dân. Phải đến Đại hội VIII của Đảng (6-1996), *Báo cáo Chính trị*

của Ban Chấp hành Trung ương mới chính thức nêu lên luận điểm: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội”⁷.

Cụ thể hóa luận điểm vừa nêu, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII (7-1998) đã chỉ ra rằng những tinh hoa văn hóa, những giá trị con người Việt Nam được vun đắp nên qua lịch sử mấy ngàn năm của dân tộc: “Đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng...; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý, đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống...”⁸.

Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI (6-2004) một lần nữa nêu rõ: “Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học...”

Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm

là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống đẹp, với các đặc tính cơ bản: *yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo*⁹.

Để biến những mục tiêu và quan điểm nêu trên về xây dựng văn hóa và phát triển con người thành hiện thực sinh động trong cuộc sống, Đại hội XII của Đảng đã xác định phương hướng và nhiệm vụ trước mắt là: “Đúc kết và xây dựng hệ giá trị văn hóa và hệ giá trị chuẩn mực con người Việt Nam [chúng tôi nhấn mạnh] thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế”¹⁰.

4. Như vậy là trong vòng gần hai thập niên, Đảng đã ban hành một số văn kiện lần lượt làm sáng tỏ những quan điểm cơ bản về phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới.

Tuy nhiên từ những quan điểm cơ bản đó, việc cụ thể hóa thành hệ giá trị chuẩn mực con người sao cho sát hợp thì giới nghiên cứu vẫn còn những ý kiến chưa thống nhất. Kết hợp nghiên cứu lý thuyết với điều tra thực tế, chương trình khoa học cấp Nhà nước về “*Con người Việt Nam,*

mục tiêu và động lực của phát triển kinh tế - xã hội” (mang mã số KX.07) đã đi tới nhận thức cho rằng: Hạt nhân cơ bản trong thang giá trị về nhân phẩm của con người Việt Nam ngày nay là sự kế thừa và nâng lên một tầm cao mới các giá trị nhân văn truyền thống của dân tộc, bao gồm “lòng tự hào dân tộc, trung với nước, hiếu với dân, nhân nghĩa, cần cù, thông minh, năng động, sáng tạo”¹¹.

Khác với cách nhìn của đề tài nêu trên, đề tài do Trần Ngọc Thêm làm chủ nhiệm với mã số KX.04.15/11-15 “*Hệ giá trị Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế*” đã tiếp cận hệ giá trị Việt Nam truyền thống cốt lõi với cái nhìn biện chứng. Điều đó có nghĩa rằng không thể xem hệ giá trị Việt Nam truyền thống là một cái gì tĩnh tại mà luôn thay đổi: a) từ không gian nông thôn sang không gian đô thị do kết quả của quá trình đô thị hóa; b) từ kinh tế hiện vật sang kinh tế thị trường; c) từ truyền thống nông nghiệp sang quá trình công nghiệp hóa; d) từ tiếp biến văn hóa trong khu vực là chủ yếu sang tiếp biến mạnh mẽ văn hóa phương Tây, nhất là từ

nửa sau những năm 1980, khi công cuộc Đổi mới ở Việt Nam bắt đầu và cũng là lúc cả thế giới bước vào giai đoạn toàn cầu hóa và hội nhập.

Nhờ có cách tiếp cận đúng đắn ấy, cuộc điều tra sự biến động giá trị ở Việt Nam năm 2014 (với số mẫu gần 6000 phiếu), đề tài KX.04.11/11-15 đã đi đến nhận thức tương đối sát hợp về những giá trị lỗi thời cần loại bỏ và những giá trị mới cần phát huy. Có thể thấy rõ điều đó ở bảng 1.

Căn cứ vào kết quả điều tra thực tế và suy nghĩ về xu hướng phát triển của xã hội ta trong 15 năm tới, đề tài KX.04.11/11-15 đã chọn ra 10 giá trị định hướng cốt lõi có khả năng đáp ứng nhu cầu xây dựng hệ giá trị chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

5. Tôi đánh giá cao kết quả nghiên cứu của các đề tài nêu trên. Tuy nhiên, nhờ quán triệt những quan điểm cơ bản của Đảng, kết hợp với quá trình điều tra, nghiên cứu của bản thân, tôi xin đề xuất tám điểm sau đây về *Hệ giá trị chuẩn mực con người Việt Nam tiêu biểu cần xây dựng trong thời kỳ công*

Bảng 1. Những giá trị cần loại bỏ đối chiếu với những giá trị cần phát huy¹²

	Những tật xấu cần loại bỏ	%	Những giá trị cần phát huy	%
1	Bệnh thiếu ý thức pháp luật	68,2	Ý thức pháp luật	76,7
2	Bệnh nói không đi đôi với việc làm	81,0	Tính trung thực	76,2
3	Bệnh phong trào	49,7	Tinh thần trách nhiệm	75,4
4	Bệnh tự ty, thiếu bản lĩnh	32,6	Bản lĩnh cá nhân	69,6
5	Bệnh hình thức	57,0	Tính chuyên nghiệp	68,1
6	Bệnh bè phái, không hợp tác	52,3	Tinh thần hợp tác	58,4
7	Bệnh sống bằng quan hệ	53,6	Tính trọng lẽ công bằng	57,9
8	Bệnh đối phó	59,8	Tính khoa học	55,9
9	Nạn tham nhũng	66,6	Tinh thần dân chủ	53,2
10	Bệnh sùng ngoại	32,7	Lòng tự trọng	44,9
11	Thói tùy tiện	38,1	Tính nguyên tắc	32,0
12	Bệnh háms lợi	50,3	Tinh thần sẵn sàng từ chức	31,3

ngiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Đó là:

- Yêu nước
- Nhân ái
- Dân chủ
- Pháp quyền
- Bản lĩnh
- Cởi mở
- Hiếu học
- Sáng tạo

Yêu nước là hàng số hàng đầu trong bảng thang giá trị Việt Nam từ bao đời nay. Như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Dân ta có một lòng

yêu nước nồng nàn. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”¹³. Ngày nay dù non sông đã sạch bóng quân thù, nhưng lòng yêu nước của mỗi người dân vẫn cần được hun đúc và phát huy trong sự nghiệp xây dựng đất nước giàu mạnh, củng cố quốc phòng an ninh để sẵn sàng làm

thất bại mọi âm mưu và hành động của các thế lực bành trướng lãnh thổ, lấn chiếm biển đảo của Tổ quốc ta.

Gắn bó máu thịt với tinh thần yêu nước là lòng **nhân ái** theo đạo lý “*Thương người như thể thương thân*” của dân tộc. Thương người trước hết là thương gia đình, anh em, họ hàng bầu bạn. Mở rộng ra là tình thương yêu đối với đồng bào cả nước có cùng chung dòng máu con Lạc, cháu Hồng. Lòng thương yêu ấy ngày nay còn được mở rộng ra toàn nhân loại để cùng nhau xây dựng một thế giới hòa bình, ấm no, hạnh phúc cho tất cả mọi người.

Cùng với yêu nước và nhân ái, **dân chủ** là giá trị trung tâm trong việc phát huy sức mạnh của toàn dân để xây dựng thành công một nước Việt Nam giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Theo Hồ Chí Minh, “Nước ta là nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân... Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân. Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương do dân cử ra... Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”¹⁴. Người từng nhắc nhở

nếu vi phạm quyền dân chủ của dân, thì không thể nào ngăn ngừa được những tệ quan liêu, mệnh lệnh, lãng phí, tham ô. Do đó, “thực hành dân chủ phải là chìa khóa vạn năng để giải quyết mọi khó khăn”¹⁵.

Dân chủ có mối quan hệ khăng khít với **pháp quyền**. Trong một công trình nghiên cứu của mình trước đây, chúng tôi từng cho rằng quan hệ giữa đạo đức với pháp luật tương ứng với mối quan hệ giữa đạo lý và pháp quyền. Đó là một trong năm vấn đề cốt yếu cấu thành hệ thống triết lý phát triển ở Việt Nam¹⁶.

Một nền dân chủ rộng rãi sẽ buộc giới cầm quyền phải công khai, minh bạch mọi thứ trước dân, phải chấm dứt tình trạng “nói không đi đôi với làm”, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực thi pháp quyền. Còn pháp quyền là cách tổ chức xã hội từ trên xuống. Một nền pháp quyền nghiêm minh sẽ trở thành một công cụ mạnh mẽ để khắc phục có hiệu quả nạn quan liêu, tham nhũng trong giới cầm quyền, trừng trị các phần tử xấu, ngăn chặn và đẩy lùi các tệ nạn xã hội, khôi phục niềm tin của nhân dân vào bộ máy nhà nước.

Bản lĩnh là giá trị quan trọng tiếp theo cần củng cố và phát huy. Theo nghĩa gốc, bản lĩnh là ý thức tự quyết định một cách độc lập thái độ, hành động của mình trước muôn trùng khó khăn, gian khổ, không vì sự ép buộc bên ngoài mà thay đổi quan điểm. Điều đó đã được thể hiện rõ nhất trong cuộc kháng chiến chống tên đế quốc đầu sỏ suốt mấy thập niên. Ngày nay, trong công cuộc xây dựng đất nước chúng ta lại đang đứng trước cả cơ hội lớn lao do xu thế toàn cầu hóa và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 tạo ra, lẫn thách thức ghê gớm bắt nguồn từ nền kinh tế còn nghèo và trình độ khoa học - công nghệ còn thấp. Trước tình hình ấy, nếu chúng ta không có đủ bản lĩnh vươn lên thì đất nước sẽ còn bị tụt hậu xa hơn trên con đường đi đến giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh như *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011) của Đảng đã chỉ rõ.

Để tránh cho việc thực thi giá trị bản lĩnh khỏi bị rơi vào hẹp hòi, bảo thủ, khép kín thì giá trị quý báu ấy

cần được bổ sung bằng đức tính **cởi mở** rộng rãi.

Thật ra, “tinh thần của bài học này đã được manh nha ngay từ thời cổ đại. Đó là thời kỳ tổ tiên chúng ta trong khi tập trung sức sáng tạo ra hệ giá trị văn hóa cội nguồn của dân tộc thì cũng đã đồng thời có sự tiếp xúc, tương tác - chia sẻ - thâm hóa và biến đổi thành của mình không ít giá trị ngoại sinh của các cộng đồng văn hóa khác trên khắp vùng Đông Nam Á rộng lớn thời bấy giờ”¹⁷.

Ngày nay, khi xu hướng toàn cầu hóa về kinh tế, về tri thức khoa học, về công nghệ, thông tin... đang lan rộng ra mọi hang cùng ngõ hẻm trên khắp hành tinh này, thì cởi mở trở thành chiếc chìa thần nhân lên đà phát triển cho tất cả những quốc gia nào không còn muốn chìm sâu trong trạng thái lạc hậu.

Để có thể phát huy hơn nữa hiệu quả của bản lĩnh độc lập tự chủ, tự chủ trong việc giải quyết những vấn đề trọng đại của đất nước, thì **hiếu học** phải trở thành một giá trị quan trọng nữa trong bảng thang giá trị chuẩn mực con người Việt Nam ngày nay.

Từ xưa, dân ta đã nổi tiếng về tinh thần hiếu học. Song hầu hết những người có điều kiện được học hành thời bấy giờ chủ yếu là vùi đầu vào việc học thuộc lòng đủ loại *Tứ thư*, *Ngũ kinh* để đi thi ra làm quan. Rất ít người có khả năng vận dụng những kiến thức đã học được nhằm phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân. Giờ đây, nước ta đang ở trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm mục tiêu đưa Việt Nam trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020. Cùng lúc, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 cũng diễn ra sôi nổi ở nhiều nước trên thế giới. Trong bối cảnh ấy, từ mục tiêu cho đến nội dung, phương pháp học tập của chúng ta cũng phải được đổi mới tận gốc. Chỉ có như vậy, nền giáo dục nước nhà mới có khả năng đào tạo ra thế hệ tương lai phát triển toàn diện để xây dựng đất nước giàu mạnh, sánh vai với các cường quốc năm châu.

Hiếu học cần đi liền với **sáng tạo**. Tính sáng tạo không phải là cái gì hoàn toàn xa lạ đối với người Việt. Vì phải lao động sản xuất và sinh

sống trong môi trường sông nước từ lâu đời, ông cha chúng ta luôn phải linh hoạt đối phó với nạn hạn hán vào mùa khô và nạn lũ lụt vào mùa mưa. Ngày nay, trong điều kiện sự biến đổi khí hậu đang diễn ra hết sức phức tạp trên phạm vi toàn cầu mà Việt Nam là một trong những nước dễ bị tổn thương nhất. Do đó, tính linh hoạt phải được nâng lên tầm cao của tính sáng tạo dựa trên nền tảng vững chắc của khoa học thì mới có thể ứng phó tốt với mọi tình huống. Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 với những thành tựu ban đầu về Internet kết nối vạn vật, công nghệ người máy, công nghệ nano, công nghệ sinh học, công nghệ phát triển năng lượng tái sinh, v.v... đang hứa hẹn mở ra cơ hội chưa từng có để các nước đi sau như Việt Nam có thể nhanh chóng thoát ra khỏi “cái bẫy thu nhập trung bình”, tiến tới đạt mức thu nhập cao vào dịp kỷ niệm 100 năm ngày thành lập Đảng. Nhưng nếu không có đủ quyết tâm nhằm kịp thời nắm bắt và vận dụng sáng tạo những thành tựu khoa học kỹ thuật ấy để giải quyết những vấn đề cụ thể của đất nước, thì rất cuộc

mục tiêu tốt đẹp ấy vẫn chỉ là nguyện vọng mà thôi.

6. Cuối cùng, để thay cho lời kết luận bài viết ngắn này, chúng tôi xin nêu mấy kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền:

Một là, sau cuộc hội thảo này, Hội đồng Lý luận Trung ương cùng với các cơ quan phối hợp nên tổ chức tổng kết kỹ lưỡng quá trình nghiên cứu từ trước đến nay về chủ đề “*Đúc kết, xây dựng hệ giá trị văn hóa và hệ giá trị chuẩn mực con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế*” mà Đại hội lần thứ XII của Đảng đã chính thức đề ra. Qua đó rút ra những kết quả chủ yếu nhất. Tùy theo tình hình cụ thể và điều kiện cho phép, Hội đồng Lý luận Trung ương có thể mời thêm một số nhà hoạt động thực tiễn và một số nhà khoa học từng có quá trình ít nhiều đi sâu nghiên cứu về chủ đề trên để cùng đi tới một tiếng nói chung làm cơ sở cho việc thảo ra một văn bản trình Trung ương thông qua và cho phép áp dụng trong cuộc sống.

Hai là, nếu thấy cần thiết, thì dành thêm thời gian nghiên cứu để chi tiết

hóa, cụ thể hóa hệ giá trị chuẩn mực con người Việt Nam nói chung thành những giá trị sát hợp với từng lớp người như sinh thời Bác Hồ đã chủ động đề ra cho cán bộ đảng viên, cho quân đội nhân dân, công an nhân dân, cho đến mọi đoàn thể nam, phụ, lão, ấu...

Chẳng hạn, nhân dịp kỷ niệm 20 năm ngày thành lập Việt Nam giải phóng quân, Bác căn dặn: “Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”¹⁸. Về tư cách của người công an cách mệnh, Bác chỉ rõ: “Đối với tự mình phải cần, kiệm, liêm, chính. Đối với đồng sự, phải thân ái giúp đỡ. Đối với Chính phủ phải tuyệt đối trung thành. Đối với nhân dân phải kính trọng, lễ phép. Đối với công việc phải tận tụy. Đối với địch phải cương quyết, khôn khéo”¹⁹.

Việc cụ thể hóa hệ giá trị chuẩn mực con người cho sát hợp hơn với mỗi tầng lớp nhân dân trong xã hội mà Bác Hồ từng thực hiện làm

gương đã đưa lại những kết quả to lớn. Nó có tác dụng làm cho hệ giá trị ấy đi thẳng vào lòng người, nhanh chóng biến thành hành động trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đúng vào một thời kỳ có những khó khăn tưởng chừng như không thể vượt qua ■

^{1,2} Theo Trần Ngọc Thêm: *Hệ giá trị Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại và con đường tới tương lai*. Nxb Văn hóa - Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh 2014, tr.108.

³ *Văn minh tinh thần Xingapo*, Nxb CTQG, H, 1997, tr.157.

^{4,17} Phạm Xuân Nam: *Sự đa dạng văn hóa và đối thoại giữa các nền văn hóa - Một góc nhìn từ Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, H,2008, tr.536, 543.

⁵ Nguyễn Hồng Phong: *Tìm hiểu tính cách dân tộc*, Xuất bản lần đầu năm 1963, in lại trong *Một số công trình nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn*, t.2, Nxb Khoa học xã hội, H, 2005, tr.364 và 392.

⁶ Xem Trần Văn Giàu: *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, H, 1980.

^{7,8} ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb CTQG, H, 1996, tr.110, 56.

⁹ ĐCSVN: *Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*, Bản đánh vi tính, tr.2-3.

¹⁰ ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb CTQG, H, 2016, tr.126-127.

¹³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.6. Nxb CTQG, H, 1996, tr.171.

^{14,19} Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.5. Nxb CTQG, H, 1995, tr.698, 406-407.

¹⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.12, Nxb CTQG, H, 1996, tr.249.

¹⁶ Phạm Xuân Nam (chủ biên): *Triết lý phát triển ở Việt Nam – Mấy vấn đề cốt yếu*, Nxb Khoa học xã hội, H, 2002, tr.543-546.

¹⁸ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.11. Nxb CTQG, H, 1996, tr.349.

CHỐNG THAM NHŨNG CÓ PHẢI LÀ ĐẤU ĐÁ PHE PHÁI?

● PGS, TS VŨ HOÀNG CÔNG

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Không phải chỉ những kẻ bảo vệ uy tín, sự đoàn kết mà ngại chống đối, cố tình khoét không chống tham nhũng triệt để sâu vào điểm yếu tham trong từng vụ việc? phải chăng vì những, mà không ít cán bộ, đảng quan chức Việt Nam: cần tham viên vẫn còn hoài nghi tính hiệu lực, những, muốn tham nhũng, dám hiệu quả của công tác tham nhũng và không chống tham nhũng sợ khi tham nhũng?... hiện nay. Hàng loạt Là một trong những câu hỏi đặt ra như: tại **đội quân xung kích bảo vệ chế độ, bảo vệ Đảng, những người làm công tác tư tưởng, lý luận đã rất tích cực trong việc tuyên truyền, làm rõ quan điểm của Đảng đối với tham nhũng và những thanh tịu trong thực tế đấu tranh chống tham nhũng.** chưa có chuyển biến quan trọng nào, thậm chí tình trạng tham nhũng tiếp tục nghiêm trọng hơn? Phải chăng Nhưng để cuộc đấu tranh này có hiệu quả, cần có những lập luận chống được tham nhũng, hoặc vì cố không những vững về khoa học, mà

cần có sức thuyết phục từ sự cầu thị, nhìn thẳng vào sự thật, thừa nhận sự thật, để đề xuất các giải pháp thực tiễn, khả thi của người làm công tác tư tưởng, lý luận. Điều cần phải thừa nhận là, nếu không có tiến bộ trong thực tế đấu tranh chống tham nhũng, thì dù rất cố gắng, việc đấu tranh tư tưởng của đội ngũ những người làm lý luận, tuyên truyền với những thế lực chống đối, những người có quan điểm sai trái sẽ chỉ có kết quả rất hạn chế.

Điều này có thể khẳng định từ một số luận điểm như sau:

1. Tham nhũng là hiện tượng đã có từ xa xưa, trong mọi nhà nước, mọi chế độ chính trị và hiện nay có ở mọi nơi. Không phải vì một đảng mà nảy sinh tham nhũng, cũng không phải chỉ có đa đảng mới có thể diệt trừ được tham nhũng.

Thực tiễn nhiều quốc gia trên thế giới chứng minh đa đảng vẫn có thể nảy sinh tham nhũng, vẫn có thể khó khăn đấu tranh, ngăn chặn tham nhũng. Bằng chứng là nhiều nước đa đảng, thường xuyên được xếp hàng đầu thế giới về chống

tham nhũng thì cũng chưa nước nào đạt được 90 trên 100 điểm tuyệt đối theo thang điểm của Tổ chức minh bạch quốc tế TI. Ví dụ New Zealand xếp thứ nhất đạt 89 điểm; Đan Mạch xếp thứ hai đạt 88 điểm; Phần Lan thứ 3, Na Uy thứ 4, Thụy sĩ thứ 5 cùng 85 điểm, Thụy Điển thứ 6 với 84 điểm; Canada thứ 7 với 82 điểm, Luxembourg thứ 8 với 82 điểm, Hà Lan thứ 9 với 82 điểm, Anh thứ 10 cùng 82 điểm, Đức thứ 11 với 81 điểm. Như vậy là tham nhũng vẫn hiện diện ở ngay những nước đa đảng được coi là dân chủ và trong sạch nhất.

Có kết luận cho rằng, càng dân chủ thì càng ít tham nhũng. Điều này tuy đúng, nhưng cũng chỉ là tương đối. Bằng chứng là Ấn Độ được coi là “nền dân chủ lớn nhất thế giới” cũng chỉ đứng hàng 84/180 quốc gia với số điểm 40/100. Ngược lại, Cu Ba là quốc gia chỉ duy nhất một đảng, được xếp vào nhóm ít dân chủ, song năm 2017 được xếp thứ 62 với 47 điểm về chỉ số cảm nhận tham nhũng CPI, cao hơn Ấn độ và nhiều nước đa đảng ở cả châu Âu và châu Mỹ. Tương tự như vậy, Trung

Quốc là nước một đảng, được coi là dân chủ thấp, cũng được xếp thứ 77/180 quốc gia với số điểm 41/100 về tham nhũng.

Tương tự Cu Ba và Trung Quốc, Việt Nam là nước một đảng Cộng sản độc quyền lãnh đạo đã có những

thời kỳ bộ máy đảng, nhà nước được coi là trong sạch, những hiện tượng tham nhũng (như hối lộ, tham ô, biển thủ tài sản công) chỉ là cá biệt. Từ khi TI công bố CPI, sau nhiều năm chỉ đạt trên dưới 30/100 điểm về chỉ số cảm nhận tham nhũng, năm 2016 và 2017 trong điều kiện vẫn chỉ có

một đảng cộng sản duy nhất cầm quyền, Việt Nam đã đạt 35/100, được xếp thứ 107/180, cao hơn nhiều quốc gia đa đảng và có nền kinh tế thị trường sớm và lớn hơn Việt Nam. Trong bảng xếp hạng tham nhũng toàn cầu của TI cho thấy, rất nhiều quốc gia đa đảng nhưng vẫn thuộc nhóm có tham nhũng nhiều nhất. Như vậy, *yếu tố đảng phái chỉ là một*

nhân tố góp phần vào nảy sinh tham nhũng và chống tham nhũng.

Vậy đâu là những nhân tố quan trọng nhất tạo điều kiện nảy sinh và phát triển tham nhũng? Theo tổng kết của các nhà nghiên cứu và các tổ chức chống tham nhũng, đó là:

- Một hệ thống chính trị và hành chính thiếu cơ chế kiểm soát quyền lực, tạo điều kiện cho người có chức vụ, quyền hạn có thể thu lợi bất chính mà không bị ngăn chặn từ bên trong.

- Một thể chế thiếu minh bạch, dân chủ, tạo ra nhiều “vùng tối”

Năm 2016 và 2017 trong điều kiện vẫn chỉ có một đảng cộng sản duy nhất cầm quyền, Việt Nam đã đạt 35/100, được xếp thứ 107/180, cao hơn nhiều quốc gia đa đảng và có nền kinh tế thị trường sớm và lớn hơn Việt Nam.

khiến người dân khó giám sát và tố cáo hành vi tham nhũng.

- Một chính sách không đủ bảo đảm mức sống xứng đáng, nhất là trong môi trường kinh tế thị trường, khiến cho người có chức vụ quyền hạn phải tham nhũng như hành vi bắt buộc dĩ.

- Một hệ thống pháp luật thiếu nghiêm minh, khiến cho người có

chức vụ, quyền hạn thực hiện hành vi tham nhũng mà không sợ bị trừng phạt.

- Một văn hóa chính trị và công vụ thiếu chú trọng danh dự, liêm sỉ, thiếu đề cao sự trung thực khiến cho kẻ có chức, có quyền không sợ mất danh dự khi tham nhũng.

- Một hệ thống báo chí, truyền thông thiếu dũng khí, không trở thành công cụ hữu hiệu để giám sát, tố cáo hành vi tham nhũng và gây áp lực với đấu tranh chống tham nhũng.

Bất cứ ở đâu, dù là một đảng hay đa đảng, song còn những nhân tố như trên thì đều có thể là mảnh đất nuôi dưỡng tham nhũng, khó khăn trong đấu tranh chống tham nhũng.

Có một điểm chung là ở tất cả các nước dù là đa đảng hay một đảng, nếu thành viên ban lãnh đạo cao cấp của đảng cầm quyền dính líu vào tham nhũng, chắc chắn đảng sẽ mất uy tín, thậm chí mất quyền lãnh đạo. Ở bất cứ đâu, vai trò đảng cầm quyền đều bị thách thức bởi cuộc đấu tranh chống tham nhũng. Uy tín và vận mệnh của đảng chính trị nói chung, của đảng cầm quyền

nói riêng luôn bị đặt trong mối quan hệ tỷ lệ nghịch với nạn tham nhũng trong xã hội. Nói cách khác, chống tham nhũng là thuốc thử cho phẩm chất và năng lực lãnh đạo của đảng cầm quyền. Điều này càng đúng đối với Đảng Cộng sản.

Kinh nghiệm thực tiễn của nhiều nước chuyển đổi từ ít dân chủ sang dân chủ nhiều hơn, từ một đảng độc quyền tới đa đảng cạnh tranh tự do cho thấy, nếu chưa thiết lập được thể chế kinh tế thị trường vững vàng, thể chế pháp lý chặt chẽ, nền công vụ có kỷ luật thì quá trình chuyển đổi đó càng tạo điều kiện cho tham nhũng nảy nở, phát triển mạnh mẽ, thậm chí thành đại dịch của đất nước (nước Nga đã từng mất hàng chục năm như vậy và hiện nay vẫn còn bị xếp vào nhóm dưới của bảng xếp hạng tham nhũng với thứ hạng 135/180 với 29/100 điểm, thấp hơn khá nhiều so với Việt Nam). Ngược lại nếu đã thiết lập được những điều kiện trên thì quá trình chuyển đổi sau đó sẽ êm đẹp hơn, ít tiêu cực và tham nhũng hơn (ví dụ các nước như Séc, Slovakia, các nước vùng Ban

tích của Liên xô cũ, Hàn Quốc, Đài Loan, Singapo...).

Nhìn lại thể chế chính trị và văn hóa của nước ta trong những thập niên vừa qua, nhất là từ khi phát triển kinh tế thị trường, phải thẳng thắn thừa nhận có nhiều khiếm khuyết tạo điều kiện tham nhũng phát triển, mặc dù điều này đi trái bản chất của Đảng và Nhà nước ta. Trước hết chúng ta *chưa có kinh nghiệm* trong việc thiết kế, xây dựng các thể chế pháp lý cho kinh tế thị trường, trong quản lý các dự án, chương trình phát triển của nhà nước; xây dựng các cơ chế, giải pháp phòng ngừa và chống tham nhũng.

Chúng ta cũng *chưa quyết liệt* trong đổi mới tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế. Đặc biệt chế độ tiền lương của cán bộ, công chức vẫn còn bị kìm hãm bởi tư duy cũ về công bằng, bình đẳng trong phân phối, hưởng thụ, khiến cho tham nhũng trở thành nguồn sống đối với không ít cán bộ, công chức.

Từ khi thực hiện cơ chế thị trường, nhiều dự án, chương trình, kế hoạch được triển khai ngay từ đầu đã tạo cơ hội cho tham nhũng.

Các khoản hoa hồng, chia chác, tỷ lệ “lại quả”, gửi giá... gần như đã thành thông lệ giữa các bên A, B. Việc đấu thầu công khai đã trở thành bình phong của sự xấp đặt, sau đó có ăn chia giữa các bên. Có thể nói tham nhũng dưới nhiều hình thức, nhiều mức độ đã trở thành *thói quen* của đội ngũ công chức thực hiện chính sách, dự án.

Vì những nguyên nhân chủ yếu đó, theo xếp hạng của Tổ chức minh bạch quốc tế (Transparency International) chỉ số cảm nhận tham nhũng (Corruption perceptions index) của Việt Nam trong nhiều năm luôn ở mức khiếm tốn. Từ 2012 đến 2015 chỉ dừng ở mức 31/100 điểm. Nhờ có những nỗ lực của Đảng và Nhà nước trong chống tham nhũng, năm 2016 CPI tăng được 2 điểm lên đến 33 và 2017 tăng lên đến 35 điểm, xếp thứ 107 trên tổng số 180 quốc gia, vùng lãnh thổ. Như vậy cho thấy yếu tố quyết định để đánh giá tình trạng tham nhũng chính là sự quyết tâm và biện pháp có hiệu quả của đảng và nhà nước, cụ thể là của người đứng đầu nhà nước. Nếu không có điều này thì dù có thể chế dân chủ hoàn

thiện đến mấy cũng không thể triệt tiêu được tham nhũng.

Từ yêu cầu của thời đại và phát triển đất nước, đã đến lúc phải nhận thức rõ hơn về ý nghĩa của cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng đối với vận mệnh của Đảng ta và hơn thế là với vận mệnh, sự sống còn của chế độ XHCN mà chúng ta đang định hướng xây dựng.

2. Trong thể chế một đảng cộng sản cầm quyền, có thể đấu tranh phòng, chống tham nhũng có kết quả, nhưng cần quyết tâm và nhiều giải pháp đồng bộ, quyết liệt.

Trong điều kiện một đảng cầm quyền, có thể tham nhũng sẽ tăng lên nếu những nhân tố trên không được khắc phục; ngược lại có thể tham nhũng sẽ giảm xuống, thậm chí bị hạn chế tối đa nếu đảng khắc phục được những nhân tố trên. Thực tiễn đấu tranh quyết liệt với tham nhũng ở Trung Quốc trong những năm gần đây dưới sự lãnh đạo của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tập Cận Bình đã đưa Trung Quốc vào nhóm xếp hạng tương đối cao về chống tham nhũng.

Những động thái mạnh mẽ trong đấu tranh chống tham nhũng vừa

qua của Đảng, Nhà nước ta được các tổ chức quốc tế đánh giá tích cực. Tổ chức Toward Transparency (thuộc TI tại Việt Nam khuyến cáo các giải pháp tiếp tục cải thiện chỉ số CPI của Việt Nam như sau:

Đối với Nhà nước:

Nâng cao tính hiệu quả trong công tác giám sát của Quốc hội và tính độc lập trong xét xử của các cơ quan tư pháp.

Đẩy mạnh nỗ lực phòng, chống tham nhũng trong các lĩnh vực người dân thường xuyên phải đối mặt với hối lộ và tham nhũng (cảnh sát, y tế công và giáo dục công).

Mở rộng không gian xã hội dân sự, thiết lập và củng cố cơ chế tham gia hiệu quả để người dân, báo chí và các tổ chức xã hội ngoài nhà nước tham gia vào quá trình ra quyết định và giám sát các hoạt động quản lý nhà nước.

Hoàn thiện cơ sở pháp luật về bảo vệ người tố cáo tham nhũng nhằm khuyến khích sự tham gia của người dân và cộng đồng vào công tác phòng, chống tham nhũng.

Đối với Doanh nghiệp:

Doanh nghiệp cần chủ động tham

gia phòng, chống tham nhũng, xây dựng môi trường kinh doanh liên chính để doanh nghiệp phát triển bền vững, nâng cao uy tín và tăng lợi thế cạnh tranh trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Tăng cường năng lực phòng, chống tham nhũng nội bộ, đặc biệt đối với các doanh nghiệp nhà nước bao gồm xây dựng, thực hiện và công bố công khai chương trình phòng, chống tham nhũng của doanh nghiệp trên các trang thông tin điện tử, trên cơ sở tham khảo các chuẩn mực quốc tế.

Đối với báo chí, các tổ chức xã hội và người dân:

Cần chủ động tham gia vào công tác phòng, chống tham nhũng thông qua việc thúc đẩy các sáng kiến minh bạch, liên chính và trách nhiệm giải trình.

Thực hiện quyền tiếp cận thông tin và tham gia giám sát việc thực hiện Luật Tiếp cận thông tin 2016.

Chủ động thực hành liên chính, tố cáo các vụ việc tham nhũng, hối lộ ở các cấp độ khác nhau, trước hết bằng cách tự trang bị kiến thức và thông tin pháp luật, trong đó có pháp

luật về phòng, chống tham nhũng.

Những nỗ lực chống tham nhũng trong hai năm 2016, 2017 của Đảng và Nhà nước, với việc đưa ra truy tố, xét xử những cán bộ cao cấp liên quan tới các vụ việc tại các tập đoàn, tổng công ty nhà nước đã được quần chúng và đông đảo cán bộ rất vui mừng, tin tưởng, kỳ vọng và ủng hộ. Không phải như một số xuyên tạc, đả kích, lợi dụng gây chia rẽ trong Đảng và giữa Đảng với nhân dân, đại đa số các tầng lớp nhân dân coi cuộc đấu tranh chống tham nhũng quyết liệt vừa qua là xuất phát từ chính bản chất của Đảng, nhằm tăng cường sự thống nhất, đoàn kết và trong sạch của Đảng. Người dân hiểu rõ, với nguyên tắc tổ chức và hoạt động của mình, trong Đảng Cộng sản Việt Nam có thể có những quan điểm, ý kiến khác nhau giữa các cá nhân, thậm chí giữa một số đảng viên này với một số đảng viên kia, nhưng chưa bao giờ và không bao giờ được phép tồn tại các phe phái. Do đó đấu tranh chống tham nhũng, có thể động chạm đến bất cứ ai, nhưng không phải là đấu tranh phe phái

như thường thấy ở nhiều đảng chính trị khác.

Hơn thế, cuộc đấu tranh chống tham nhũng đang diễn ra có kết quả chứng tỏ rằng Đảng CSVN có đủ năng lực lãnh đạo cuộc đấu tranh chống tham nhũng.

Điều đó cho thấy dù ở Việt Nam chỉ một đảng lãnh đạo, thì *không những có thể mà còn có nhiều thuận lợi* trong đấu tranh chống tham nhũng. Thuận lợi đó trước hết bắt nguồn từ bản chất vì dân, vì nước của một Đảng Cộng sản trung thành với chủ nghĩa Mác-Lênin, được Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện; vì có được sự yêu mến, tin tưởng, ủng hộ của nhân dân với Đảng; từ nguyên tắc tổ chức thống nhất, đoàn kết của Đảng. Vấn đề đặt ra là khơi nguồn và phát huy những nhân tố thuận lợi như trên như thế nào. Những khuyến cáo của tổ chức Minh bạch thế giới với mọi quốc gia nói chung, với Việt Nam nói riêng là đúng đắn, dựa trên những nghiên cứu khoa học, khách quan. Ở đây xin nhấn mạnh thêm một số khẳng định:

Điều đầu tiên phải thừa nhận ở

Việt Nam cũng như các nước khác, tham nhũng có thể nảy sinh trong đội ngũ cán bộ ở tất cả các cấp, các ngành, trong các cơ quan nhà nước và Đảng. Dù mang bản chất vì dân, vì nước, nhưng không phải đảng cộng sản có thể miễn trừ với tham nhũng, nhất là trong phát triển kinh tế theo cơ chế thị trường. Do đó phòng ngừa và chống tham nhũng là nhiệm vụ thường xuyên của Đảng và Nhà nước, có ý nghĩa sống còn đối với Đảng, với chế độ. Hoàn thiện pháp luật về phòng ngừa và chống tham nhũng cần phải coi là thường xuyên, luôn cập nhật với thực tiễn phát triển của đất nước, tiếp cận chuẩn mực quốc tế.

Thứ hai, phải coi phòng ngừa và chống tham nhũng là một trong các mục tiêu của mọi chiến lược, kế hoạch phát triển của đất nước. Nói cách khác phải gắn mục tiêu mục tiêu phòng ngừa và chống tham nhũng với mục tiêu phát triển; gắn cơ chế, giải pháp phòng ngừa, chống tham nhũng vào cơ chế, giải pháp thi hành chính sách, pháp luật. Hiện nay điều này chưa được quán triệt, nên còn nhiều khe hở tạo điều kiện cho

những người có chức, có quyền, kể cả doanh nghiệp lợi dụng thực hiện hành vi tham nhũng.

Phát triển chính phủ điện tử là một giải pháp hữu hiệu cần phải được thúc đẩy. Thực tiễn cho thấy các quốc gia có trình độ phát triển Chính phủ điện tử cao thì cũng là các quốc gia có môi trường kinh doanh tốt và mức độ tham nhũng thấp (ví dụ các nước Phần Lan, Thụy Điển, Na uy, Đan Mạch, Anh, Singapo, Canada...). Trong những năm 2016, 2017 khi Việt Nam cải thiện được chỉ số phát triển Chính phủ điện tử (trong đó có chỉ số về Dịch vụ công trực tuyến) thì không những nâng cao được chỉ số môi trường kinh doanh (năm 2018 tăng 14 bậc), đồng thời cũng nâng cao được điểm chống tham nhũng (tăng 4 điểm so với 2012-2015).

Cần phải coi cải cách chế độ tiền lương theo hướng công bằng thực chất, không phải là cào bằng, bình quân chủ nghĩa là giải pháp tạo động lực của đội ngũ cán bộ công chức trong khu vực công tận tụy, có trách nhiệm và đạo đức công vụ, tránh xa các hành vi tham nhũng.

Thứ ba, cần có quyết tâm cao của toàn Đảng, nhất là cấp lãnh đạo cao nhất của Đảng. Để có được điều này, đòi hỏi Đảng phải lựa chọn được những người lãnh đạo xứng đáng về năng lực lãnh đạo và phẩm chất đạo đức trong sáng, có quyết tâm cao chống tham nhũng. Thực tiễn ở mọi quốc gia, nhất là những nước do Đảng Cộng sản lãnh đạo chứng minh rằng, chỉ những người có phẩm chất đạo đức trong sáng, không tham nhũng mới có thể duy trì được các hoạt động chống tham nhũng và xây dựng được văn hóa không tham nhũng. Đã đến lúc phải khẳng định người lãnh đạo quốc gia dứt khoát phải bao gồm các tiêu chuẩn là: không tham nhũng, có quyết tâm chống tham nhũng và có khả năng lãnh đạo chống tham nhũng.

Nếu thực hiện được các giải pháp như trên thì dù một đảng cầm quyền, Việt Nam vẫn sẽ là quốc gia có thứ hạng cao về không tham nhũng. Những người làm công tác tư tưởng, lý luận không phải cố gắng gánh vác trách nhiệm vượt quá khả năng của mình ■

TỪ “XÃ HỘI DÂN SỰ” ĐẾN ĐA NGUYÊN, ĐA ĐẢNG - LỘ TRÌNH THAY ĐỔI THỂ CHẾ CHÍNH TRỊ Ở VIỆT NAM

● GS, TS BÙI QUẢNG BẠ

Học viện Chính trị Công an nhân dân

C hiến lược “Diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch chống phá các nước XHCN được thực hiện bằng nhiều phương thức, thủ đoạn rất tinh vi, xảo quyệt nhằm mục đích chiến lược là lật đổ; tác động chuyển hóa dân chủ; tạo ra các tình huống phản cách mạng để thay đổi thể chế chính trị ở các nước này. Đó là những hình thức kết thúc “diễn biến hòa bình” tùy thuộc vào tình hình cụ thể ở mỗi quốc gia.

Phương thức lật đổ được áp dụng thông qua các cuộc bạo động chính trị, bạo loạn, bạo loạn vũ trang, các cuộc “cách mạng đường phố”; “cách mạng màu”.

Phương thức tác động chuyển hóa được áp dụng trong quá trình tiến

hành các hoạt động “thẩm thấu hòa bình”, nhất là thông qua quan hệ hợp tác về kinh tế, pháp luật, giáo dục đào tạo... tác động từng bước làm thay đổi đường lối, chính sách, hệ thống pháp luật, từ chuyển hóa về kinh tế, pháp luật dẫn tới chuyển hóa về chính trị theo phương châm “dùng cộng sản lật đổ cộng sản”.

Phương thức thay đổi thể chế chính trị một cách “hòa bình” bằng các cuộc “đảo chính cung đình”, phế truất ban hành đạo đương nhiệm hoặc thông qua “bầu cử tự do” có sự can thiệp của bên ngoài bằng sức ép quốc tế.

Nhìn chung, các hình thức kết thúc “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch điều hướng tới một mục đích cuối cùng là làm sụp đổ chế độ

XHCN, làm tan rã các Đảng Cộng sản, thiết lập chế độ đa nguyên, đa đảng. Trong quá trình này, “xã hội dân sự” được Mỹ và phương Tây sử dụng như một công cụ quan trọng để thúc đẩy quá trình hình thành các tổ chức chính trị đối lập với Đảng Cộng sản; tạo dựng chế độ đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, phục vụ mục tiêu xóa bỏ chế độ XHCN ở các quốc gia cộng sản. Thực tiễn sụp đổ của chế độ XHCN ở Đông Âu và Liên Xô trước đây là diễn ra theo kịch bản này.

1. Nhận diện “xã hội dân sự”

Khái niệm “xã hội dân sự” bắt nguồn từ phương Tây, thuật ngữ tiếng anh là “civil society”. Mặc dù xã hội dân sự xuất hiện đã lâu, được tiếp cận nghiên cứu dưới các góc độ khác nhau, nhưng đến nay vẫn chưa có được một khái niệm hoàn chỉnh, thống nhất.

Theo Wikipedia, “xã hội dân sự” cấu thành từ tổng thể các tổ chức xã hội và dân sự tự nguyện mà các tổ chức này tạo nên cơ sở của một xã hội tự vận hành, khác với các cấu trúc quyền lực của nhà nước (bất kể hệ thống chính trị của nhà nước này

thuộc kiểu gì) và các thể chế thương mại của thị trường. Theo Trung tâm xã hội dân sự Trường Đại học Kinh tế Luân Đôn, “Xã hội dân sự” thường bao gồm sự đa dạng về phạm vi hoạt động, các thành viên tham gia và các hình thái tổ chức. “Xã hội dân sự” thường được tổ chức dưới dạng các hội nhân đạo, từ thiện, các hiệp hội, công đoàn, các nhóm tương trợ, các phòng trào xã hội, hiệp hội kinh doanh, các liên minh, các đoàn luật sư... Cấu trúc của xã hội dân sự bao gồm: Các tổ chức cộng đồng, các tổ chức quần chúng, các hội nghề nghiệp, các tổ chức phi chính phủ. Các học giả phương Tây cho rằng bản chất của “xã hội dân sự” là xã hội trong đó các tổ chức khác nhau của công dân như các đảng phái, công đoàn, hiệp hội, nhóm ... thực hiện mối liên hệ giữa công dân với nhà nước trong quá trình hoạt động, không để nhà nước áp bức công dân mình. Theo quan điểm này, thì “xã hội dân sự” được coi là một tổ chức (đảng phái, công đoàn, hiệp hội, câu lạc bộ, các nhóm, hội...) đối trọng, đối lập với đảng và chính quyền đương nhiệm.

Tuy có nhiều cách tiếp cận nhìn nhận, đánh giá và quan niệm khác nhau về “xã hội dân sự” tùy thuộc và mỗi giai đoạn lịch sử và những hoàn cảnh, điều kiện cụ thể của từng giai đoạn lịch sử đó, nhưng các quan điểm của các học giả phương Tây đều gặp nhau ở những điểm cốt lõi, đó là:

Về tổ chức, xã hội dân sự là một tổ hợp của các thiết chế chính trị - xã hội phù hợp với hệ thống dân chủ, tự do và kinh tế thị trường, bao gồm: các tổ chức cộng đồng, các tổ chức quần chúng, các hội nghề nghiệp, các tổ chức phi chính phủ. Trong một không gian công cộng, các thiết chế này được hình thành một cách tự nguyện, độc lập, có thể thảo luận, tranh luận với nhau; độc lập hoặc cùng nhau thảo luận, tranh luận với nhà nước về các vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội để tạo ra sự đồng thuận trong những vấn đề của đời sống xã hội đặt ra.

Về bản chất, xã hội dân sự là xã hội tự lập phi nhà nước, được hình thành và vận hành trong không gian công cộng và tư nhân, nằm ngoài vùng ảnh hưởng trực tiếp của yếu tố nhà nước. Đó là sự khác biệt giữa

“xã hội dân sự” với “xã hội quân sự” hay “xã hội chính trị” (nhà nước), nhưng xã hội dân sự có thể được nhà nước hậu thuẫn. Những vấn đề xã hội dân sự không tự giải quyết được thì thuộc chức năng của nhà nước.

Về tổ chức, xã hội dân sự là một tổ hợp của các thiết chế chính trị - xã hội phù hợp với hệ thống dân chủ, tự do và kinh tế thị trường, bao gồm: các tổ chức cộng đồng, các tổ chức quần chúng, các hội nghề nghiệp, các tổ chức phi chính phủ.

Tính ưu việt của xã hội dân sự ở chỗ nó có thể tạo ra được những

Tính ưu việt của xã hội dân sự ở chỗ nó có thể tạo ra được những tiền đề quan trọng cho một trật tự dân chủ. Giá trị đáng ghi nhận của xã hội dân sự là những phát kiến, kiến nghị, đề xuất có cơ sở lý luận và thực tiễn, phù hợp với quan điểm, đường lối của đảng cầm quyền. Các học giả phương Tây cũng không đồng nhất “xã hội dân sự” với “xã hội công dân”. So với xã hội công dân, xã hội dân sự rộng lớn hơn và căn bản hơn cả về thiết chế và vận hành. Mặc

dù còn có sự khác nhau về khái niệm, nhưng khái quát lại, xã hội dân sự có những đặc trưng cơ bản sau:

- Là tổ chức, phong trào ngoài nhà nước, có quan hệ đối tác với nhà nước, là cầu nối giữa người dân và nhà nước, với cộng đồng xã hội.

- Các tổ chức xã hội dân sự hình thành trên cơ sở tự nguyện với hoạt động theo nguyên tắc độc lập, có tổ chức.

- Các tổ chức xã hội dân sự tự chủ về tài chính, không phụ thuộc vào ngân sách nhà nước.

- Các thiết chế xã hội dân sự rất đa dạng về hình thức, phạm vi, quy mô và tính chất hoạt động.

- Xã hội dân sự có chức năng là cầu nối, tham gia hoạch định chính sách của nhà nước; thực hiện vai trò phản biện xã hội, giám sát phẩm chất, hành vi của đội ngũ công chức góp phần chống tham nhũng, quan liêu, phát huy nguồn lực sáng tạo của các tầng lớp nhân dân...

- Mục tiêu chung của các thiết chế xã hội dân sự là phục vụ sự phát triển chung của một cộng đồng và mỗi thành viên trong tổ chức, phong trào cũng như vì sự phát triển chung.

Nhiều nhà phân tích trong khi đánh giá về vai trò, chức năng của xã hội dân sự đều đồng nhất quan điểm coi xã hội dân sự là một bước tiến của nhân loại trong tổ chức cộng đồng bên cạnh thiết chế nhà nước, phù hợp với xu thế phát triển của chủ nghĩa xã hội theo quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin là nhà nước sẽ thu nhỏ đi và xã hội sẽ lớn lên do vai trò tự quản của các thiết chế xã hội dân sự.

Là những nhà triết học duy vật biện chứng, C.Mác và Ph.Ăngghen quan niệm “Xã hội dân sự theo đúng nghĩa của nó được sinh ra từ xã hội tư sản. Nó được hình thành bởi những chế định lịch sử - xã hội, bởi những hình thức quan hệ sản xuất đặc biệt, bởi những hình thức quan hệ và đấu tranh giai cấp và được bảo vệ bởi những cơ chế chính trị - pháp lý tương ứng”¹; đó là tổng thể các quan hệ sinh hoạt vật chất của con người trong xã hội, là hình thức giao tiếp giữa con người với con người. Xã hội dân sự là “vương quốc của các quan hệ kinh tế”, là “cơ sở của toàn bộ lịch sử”; là các quy định nhà nước và các hình thái ý thức xã hội. Về bản

chất của xã hội dân sự, theo C.Mác, chủ quyền của nhân dân phải trở thành vấn đề trung tâm trong một xã hội dân sự đích thực, làm cơ sở cho một chế độ dân chủ và một nhà nước dân chủ chân chính. Đó là tư tưởng cách mạng sâu sắc có tính định hướng cho việc nhìn nhận, đánh giá và xác định tính đúng đắn của một số tổ chức được coi là xã hội dân sự và cơ sở, tiêu chí để khẳng định những thiết chế chính trị xã hội lợi dụng danh nghĩa “xã hội dân sự” để chống đối chính quyền nhân dân.

Ngày nay, xã hội dân sự được cộng đồng quốc tế rất quan tâm, coi đó là một nhân tố của xã hội hiện đại. Do tác động của quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế của nền kinh tế thị trường, xu hướng dân chủ hóa không ngừng được mở rộng, vấn đề “xã hội dân sự” phục hồi trở lại, thu hút sự quan tâm nghiên cứu của nhiều học giả ở các nước. Trên thực tế, các tổ chức “xã hội dân sự” đang phát triển mạnh mẽ và ngày càng thể hiện rõ vai trò của mình trong đời sống chính trị - xã hội của các quốc gia. Các phong trào, tổ chức “xã hội dân sự” đã vượt ra khỏi phạm vi

biên giới quốc gia, mang tính toàn cầu. Nhiều tổ chức “xã hội dân sự” nhất là các NGO đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; bảo đảm thực thi dân chủ, nhân quyền. Trong đó, nhiều tổ chức thuộc khu vực “xã hội dân sự” có mối quan hệ chặt chẽ với Liên hợp quốc và các thiết chế khu vực, quốc tế khác. Nhiều phong trào mang tính toàn cầu, có ảnh hưởng lớn đối với các định chế chính trị, kinh tế, tài chính quốc tế, khu vực và chính phủ nhiều quốc gia.

Xuất phát từ quan điểm chính trị, lợi ích giai cấp nên cách nhìn nhận, xem xét về vai trò, chức năng của xã hội dân sự cũng khác nhau, thậm chí đối lập nhau. Xã hội dân sự tự nó cũng chứa đựng những vấn đề phức tạp mâu thuẫn buộc nhà nước phải có biện pháp can thiệp, điều chỉnh nhằm đảm bảo sự ổn định chính trị - xã hội, đảm bảo cho các tổ chức phong trào xã hội dân sự phát triển theo đúng định hướng chính trị, phù hợp với quan điểm và lợi ích của giai cấp cầm quyền ở mỗi quốc gia.

Xã hội dân sự ở Việt Nam phát triển từ đầu thế kỷ XX, khi người

Pháp đưa khái niệm dân chủ và quyền công dân vào nước ta: quá trình phát triển xã hội dân sự ở Việt Nam cùng trải qua một chặng đường dài thăng trầm do sự biến động của thời cuộc và sự lạm dụng vai trò, chức năng của một số tổ chức xã hội dân sự cũng như âm mưu của các thế lực đế quốc, phản động lợi dụng xã hội dân sự xâm phạm an ninh và lợi ích quốc gia.

Pháp luật Việt Nam quy định các điều kiện cụ thể để thành lập một tổ chức xã hội dân sự, đó là phải xác định rõ tôn chỉ, mục đích, điều lệ của tổ chức; thành phần ban sáng lập; hội viên; nguồn tài chính để hoạt động và phương thức hoạt động...

Hiện nay ở nước ta, bên cạnh các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, nhiều hội, tổ chức phi chính phủ đã và đang được thành lập theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân hoạt động công khai hợp pháp đã mang lại những lợi ích đáng kể cho cộng đồng. Hiện có khoảng gần 400 hội đang hoạt động trên phạm vi cả nước, trên 600 tổ chức hội, đoàn đang hoạt động trên phạm vi các địa phương, hàng ngàn hiệp

hội, câu lạc bộ hoạt động trên các lĩnh vực khác nhau. Hiện có khoảng trên 600 tổ chức phi chính phủ nước ngoài có quan hệ với Việt Nam, trong đó gần 400 tổ chức có các chương trình, dự án đang triển khai tại nước ta. Nhìn chung, các tổ chức xã hội dân sự đồng thuận với xã hội, đóng vai trò tích cực trong phát triển kinh tế văn hóa - xã hội. Tuy nhiên, ngoài các hội, các tổ chức phi chính phủ được cấp phép thành lập, vẫn có các hội, các tổ chức quần chúng do người dân tự nguyện thành lập không có tư cách pháp nhân, như các tổ, nhóm tự quản, hội đồng hương, hội đồng môn, các câu lạc bộ... Nhìn chung, ngoài việc bảo vệ và mang lợi ích hợp pháp cho các hội viên, các tổ chức này đã có những đóng góp tích cực cho sự phát triển chung của đất nước. Song, nhiều tổ chức còn mang tính hình thức, hoạt động tùy tiện, kém hiệu quả, không phát huy được vai trò đại diện cho lợi ích của hội viên. Trong nền kinh tế thị trường, một số tổ chức được lập ra chủ yếu để chạy theo lợi nhuận kinh tế đơn thuần. Hoạt động của một số tổ chức còn có những sai phạm, vi phạm pháp luật

gây phương hại đến an ninh quốc gia buộc các cơ quan chức năng phải can thiệp để giải thể. Các thế lực thù địch đã lợi dụng xuyên tạc, vu cáo ta vi phạm dân chủ, nhân quyền.

2. “Xã hội dân sự” - tiền đề của chế độ đa nguyên, đa đảng

Như trên đã phân tích, xã hội dân sự theo đúng nghĩa của nó là một bước tiến quan trọng của xã hội loài người trên bước đường hướng tới một xã hội tự quản không còn sự tồn tại của nhà nước. Tuy nhiên, thực tế cho thấy ngay từ ý tưởng hình thành cho đến quá trình thành lập và vận hành, do tính chất nhạy cảm về chính trị - xã hội, nhiều tổ chức xã hội dân sự đã đi trượt khỏi quỹ đạo, làm méo mó hình ảnh tích cực của xã hội dân sự đích thực, trở thành phương tiện để các thế lực thù địch, phản động sử dụng vào các hoạt động “diễn biến hòa bình” chống đối chế độ XHCN ở nước ta. Về tổ chức các “xã hội dân sự” kiểu phương Tây thường được hình thành bởi những người “bất đồng chính kiến”, có quan điểm chính trị đối lập, núp dưới danh nghĩa bảo vệ dân chủ, nhân quyền; vì sự phát triển của đất nước.

Họ hướng lái các hoạt động thông tin tuyên truyền vào phê phán sự lãnh đạo của Đảng, cho chế độ độc đảng là “độc tài toàn trị”, là nguyên nhân dẫn đến tham nhũng, sai lầm. Từ đó, họ kêu gọi, kích động đòi chuyển hóa “chế độ toàn trị” sang chế độ đa đảng.

Như chúng ta đã biết, xã hội dân sự mang tính giai cấp, tính chính trị sâu sắc. Vì vậy, các thế lực thù địch, các lực lượng chính trị đối lập luôn tìm cách thao túng, lôi kéo, chi phối, sử dụng vào mục tiêu chính trị của mình. Những năm qua, âm mưu, hoạt động lợi dụng một số tổ chức “xã hội dân sự” kiểu phương Tây chống phá Việt Nam của các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị đối với Việt Nam tập trung vào các hướng sau đây:

Thứ nhất là, để cao và nhấn mạnh vai trò “phản biện xã hội” của các tổ chức “xã hội dân sự”, triệt để khai thác tính đa dạng về thành phần, mục tiêu thành lập, lợi ích của tổ chức và các thành viên, đa nguyên về tư tưởng, chính kiến để hướng lái hoạt động của các tổ chức “xã hội dân sự” đã hình thành hoặc chuẩn bị hình thành vào các khuynh hướng tư

tưởng chính trị khác nhau, từ đa nguyên về tư tưởng, dẫn tới đa nguyên về chính trị và mục đích cuối cùng là đối lập về tư tưởng chính trị. Vì vậy, do tác động, hướng lái của các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị, bản chất đích thực của một số tổ chức xã hội dân sự ở Việt Nam mất dần, thay thế vào đó là cho ra đời các tổ chức “xã hội dân sự” kiểu phương Tây như ở Đông Âu và Liên Xô trước đây. Những người ủng hộ hình thành và phát triển một “xã hội dân sự” kiểu như vậy ở Việt Nam cho rằng cần có những tiếng nói của đại diện các giai tầng xã hội về các vấn đề chính trị, xã hội nhạy cảm, quan trọng trong đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kể cả tiếng nói trái chiều, đối lập, giúp cho Đảng nhận thức một cách khách quan, đúng đắn, khắc phục tình trạng áp đặt chủ quan, phiến diện một chiều, thiếu dân chủ của chế độ một đảng cầm quyền.

Thứ hai là, thúc đẩy xu hướng thoát ly sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước. Một số tổ chức “xã hội dân sự” mang tính giai cấp rõ rệt, những người sáng lập

không đứng trên lập trường của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, thay vì đặt mục tiêu hoạt động nhằm góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đã hướng lái tổ chức phục vụ lợi ích của một số tầng lớp, một nhóm người, đối lập với lợi ích của dân tộc, quốc gia. Vì vậy, họ luôn tìm cách tách hoạt động của tổ chức khỏi sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và các cơ quan chức năng. Tổ chức “xã hội dân sự” của họ chỉ là vỏ bọc, thực chất đó là những tổ chức mang màu sắc chính trị, ẩn chứa trong mục đích thành lập và hoạt động là động cơ và mục đích chính trị. Về lâu dài, đây sẽ là diễn đàn đấu tranh giai cấp trên mọi phương diện: Chính trị, tư tưởng, văn hóa, kinh tế... Những người sáng lập một số tổ chức “xã hội dân sự” thường là những người các thế lực thù địch gọi là “bất đồng chính kiến”; những người cơ hội chính trị, có quan điểm trái chiều, đối lập với đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, công khai yêu cầu Đảng ta từ bỏ vai trò lãnh đạo, xóa bỏ Điều 4 trong Hiến pháp; đòi đổi tên Đảng, tên

nước, từ bỏ con đường xây dựng CNXH mà Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã lựa chọn.

Thứ ba là, lợi dụng chiêu bài “dân chủ, nhân quyền” để hướng lái xã hội dân sự vào các hoạt động trái với tôn chỉ, mục đích. Một số tổ chức “xã hội dân sự” có khuynh hướng đi theo mục tiêu chính trị, đề cao các “giá trị” tự do, dân chủ, nhân quyền của chủ nghĩa tư bản. Những người sáng lập tìm cách tuyên truyền, tác động, lôi kéo một số trí thức, văn nghệ sĩ, học sinh, sinh viên, luật sư tham gia, mở rộng phạm vi, không gian hoạt động trong lĩnh vực dân chủ, nhân quyền, phụ họa và tiếp tay cho các thế lực bên ngoài chống phá Việt Nam. Một số người công khai viết, tán phát tài liệu, sách, sử dụng các trang mạng truyền bá những quan điểm, tư tưởng trái chiều, tạo diễn đàn đối lập với Đảng, Nhà nước. Họ triệt để lợi dụng những sai sót, yếu kém trong phát triển kinh tế - xã hội, những chủ trương, chính sách chưa hợp lòng dân, các vấn đề phức tạp nổi lên về an ninh, trật tự để phê phán đường lối của Đảng, đối lõ, quy kết

trách nhiệm cho Đảng ta trong các vấn đề hạn chế, tồn tại của đất nước, nhất là trong phát triển kinh tế - xã hội, quan hệ đối ngoại và hợp tác quốc tế trong bảo vệ chủ quyền biên giới, biển đảo... Nhiều bài viết, tài liệu công khai cổ vũ, đề cao mô hình “xã hội dân sự” kiểu phương Tây và yêu cầu, hô hào, tác động áp dụng mô hình này vào xã hội Việt Nam để mở rộng diễn đàn dân chủ, phát huy đa nguyên làm phong phú thêm đời sống chính trị của đất nước trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Đây là một hình thức tập hợp chính kiến, lực lượng đối trọng với Đảng, Nhà nước ta. Từ đa nguyên chính kiến trong “phản biện chính sách”, “phản biện xã hội” dưới danh nghĩa ủng hộ quan điểm mở rộng dân chủ ở cơ sở, đảm bảo quyền con người để tuyên truyền, vận động có thêm lực lượng, tổ chức xã hội, đoàn thể quần chúng, các tổ chức phi chính phủ tham gia, từng bước hình thành các “phong trào”, “mặt trận” dân chủ, trở thành lực lượng đối trọng, đối lập với Đảng và Nhà nước ta trong tương lai. Đây sẽ là lực lượng xuống đường nếu xảy

ra một cuộc “cách mạng đường phố” ở Việt Nam như đã từng diễn ra ở Đông Âu và Liên Xô trước đây.

Thứ tư, là các thế lực thù địch bên ngoài gia tăng các hoạt động móc nối, liên kết, hậu thuẫn cho những người “bất đồng chính kiến” trong nước, những người bất mãn trong một bộ phận văn nghệ sĩ, trí thức, luật sư... hoạt động theo khuynh hướng “độc lập”, hình thành “xã hội dân sự” đối lập theo mô hình của phương Tây, các nước Đông Âu và Liên Xô trước khi sụp đổ, tan rã.

Trong các nhóm đã được thành lập, có những hội, nhóm, câu lạc bộ, viện nghiên cứu thành phần tham gia khá phức tạp. Được sự cổ vũ, khích lệ của các thế lực chống CNXH ở bên ngoài, họ thường xuyên gặp gỡ bàn bạc, biên soạn, phát tán tài liệu có nội dung phê phán đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Một số tổ chức thông qua hoạt động nghiên cứu, phản biện, tư vấn để truyền bá quan điểm, tư tưởng sai trái, phê phán đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, cổ súy cho một phong trào “xã hội dân sự” độc lập. Họ còn tổ chức các cuộc tọa

đàm, hội thảo, trả lời phỏng vấn, đăng tải trên trang mạng các bài viết phủ nhận thành quả cách mạng, yêu cầu Đảng ta từ bỏ vai trò lãnh đạo; tổ chức dịch, phát hành hàng chục đầu sách của các tác giả nước ngoài có nội dung nhạy cảm về chính trị, đề cập đến sự tan rã của Liên Xô, sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu như những tài liệu phổ biến kinh nghiệm biểu tình, lật đổ, tiến hành “cách mạng đường phố”, “cách mạng màu”, cổ vũ cho “xã hội dân sự” đối lập như các cuốn: “xã hội mở” của Geogre Soros, “Bài học chuyển đổi ở Đông Âu” của Janas Korrai...

Như vậy, ở Việt Nam, bên cạnh sự tồn tại và hoạt động hợp pháp của những tổ chức xã hội dân sự đích thực, góp phần tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đã xuất hiện những tổ chức “xã hội dân sự” đối lập với Đảng Cộng sản Việt Nam với mục đích thông qua môi trường “xã hội dân sự” kiểu phương Tây để gây áp lực, làm suy yếu vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, hướng đến mục tiêu thay đổi thể chế chính trị ở Việt Nam theo

kinh nghiệm của tổ chức “xã hội dân sự” ở Liên Xô và Đông Âu trước đây. Sự xuất hiện của một số tổ chức “xã hội dân sự” đối lập trong một vài thời điểm ở Việt Nam làm cho tình hình chính trị - xã hội diễn biến rất phức tạp. Với việc đề cao vai trò “phản biện xã hội”, “kiểm soát quyền lực”, đảm bảo việc thực thi dân chủ, nhân quyền, xây dựng quan hệ thương mại và phát triển... những tổ chức “xã hội dân sự” này đã không tuân thủ đúng tôn chỉ, mục đích, hướng lái thành viên vào những hoạt động gây phương hại đến an ninh quốc gia. Các thế lực thù địch tìm cách thúc đẩy, kích lệ hình thành ở Việt Nam các tổ chức, phong trào “xã hội dân sự” đối lập, tạo tiền đề cho sự ra đời của các tổ chức chính trị đối lập, thiết lập chế độ đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, phục vụ chiến lược “diễn biến hòa bình”, thay đổi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

3. Đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập - mục tiêu hướng tới của “xã hội dân sự” kiểu phương Tây

Đa nguyên chính trị bắt nguồn từ thuyết đa nguyên, gắn với vấn đề

chính trị - xã hội, trong đó tồn tại nhiều quan điểm, tư tưởng, đảng phái chính trị. Đó là khuynh hướng xã hội học - triết học, xuất phát từ học thuyết tuyệt đối hóa sự đa dạng, đối kháng của các nhóm, các đảng phái và các tổ chức chính trị khác nhau trong xã hội. Ngày nay, các thế lực thù địch sử dụng đa nguyên chính trị như một công cụ tư tưởng chống lại chủ nghĩa Mác - Lênin, đòi mở rộng quyền tự do, dân chủ vô chính phủ ở các nước XHCN, chống lại các nguyên tắc tập trung dân chủ; đòi thực hiện chế độ đa đảng và các tổ chức chính trị đối lập nhằm thủ tiêu vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản và Nhà nước pháp quyền XHCN.

Trong chiến lược “diễn biến hòa bình” chống phá cách mạng Việt Nam, các thế lực thù địch tập trung tuyên truyền cổ vũ cho chế độ đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập tại Việt Nam. Luận điệu của chúng là trong nền chính trị Việt Nam phải tồn tại các nhóm chính trị, các chính đảng khác nhau để đa dạng hóa đường lối cho nhân dân lựa chọn thông qua bầu cử tự do thì mới đảm

bảo cho một nền dân chủ. Độc quyền, thủ tiêu dân chủ là nguyên nhân của những sai lầm và yếu kém trong đường lối phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Vì vậy, những năm qua các phần tử chống CNXH luôn tìm mọi cách tập hợp lực lượng, cho ra đời tổ chức, đảng phái chính trị đối lập trong nước. Họ tuyên truyền đã hình thành hàng chục “đảng phái chính trị” đối lập với Đảng Cộng sản Việt Nam, như: “Đảng dân chủ của thế kỷ XXI”, “Thanh niên dân chủ Sơn Hà”, “Liên đảng Lạc Hồng”, “Đảng Thăng tiến Việt Nam”...

Được các thế lực thù địch kích lệ, cổ vũ, những người “bất đồng chính kiến” trong nước đã công khai tuyên truyền, tác động hướng lái dư luận theo một logic hình thức là cần có các đảng phái tồn tại song song với Đảng Cộng sản để tư vấn, phản biện, góp phần xây dựng đường lối phát triển đất nước thì mới đảm bảo tính khách quan, toàn diện, khắc phục sự độc đoán chuyên quyền, giúp khắc phục những sai lầm, khuyết điểm, yếu kém trong quá trình lãnh đạo đất nước, dân tộc. Họ nêu vấn đề cần

học tập những nước lớn như Nga, Mỹ, Trung Quốc, Ấn Độ... thực hiện chế độ đa đảng nên đất nước phát triển mạnh. Việt Nam có nhiều tiềm lực nhưng do Đảng Cộng sản độc quyền lãnh đạo, Nhà nước độc quyền quản lý nên đất nước kém phát triển, chế độ độc đảng không phát huy được dân chủ, sáng tạo nên không khai thác được tiềm năng của đất nước. Mưu đồ của họ là nhằm tác động, thiết lập chế độ đa nguyên, đa đảng, chuẩn bị điều kiện tiền đề cho sự thay đổi thể chế chính trị ở Việt Nam.

Thời gian tới, hoạt động của các thế lực thù địch đối với vấn đề “xã hội dân sự” ở Việt Nam sẽ được đẩy mạnh theo các hướng sau:

- Gia tăng hoạt động truyền bá tư tưởng “xã hội dân sự” của phương Tây, đề cao và tuyệt đối hóa để gây áp lực xã hội đối với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, làm tiền đề cho sự ra đời, phát triển của “xã hội dân sự” Việt Nam - mầm mống của đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập.

- Tập trung tuyên truyền tác động phá hoại nội bộ, thúc đẩy quá trình

suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” nhằm tạo dựng, phát triển lực lượng chống đối, bổ sung nhân sự cho việc hình thành các tổ chức “xã hội dân sự” chính trị, đối lập với Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Gia tăng các hoạt động móc nối, tác động chuyển hóa các tổ chức xã hội dân sự đích thực ở Việt Nam, nhất là các hội, các tổ chức phi chính phủ trở thành các tổ chức “xã hội dân sự” kiểu phương Tây, làm mất dần bản chất đích thực, vai trò quan trọng của các tổ chức xã hội dân sự hiện nay.

Từ đó sẽ trực tiếp chi phối, kích lệ các hoạt động chống đối chế độ, đòi thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập ở nước ta. Đây là bước chuẩn bị điều kiện nhân sự, tổ chức cho sự ra đời của đảng chính trị đối lập, từng bước công khai hóa, hợp thức hóa, quốc tế hóa trở thành đối trọng với Đảng Cộng sản Việt Nam, thông qua đấu tranh chính trường,

từng bước gạt Đảng Cộng sản Việt Nam khỏi vũ đài chính trị, chiếm đoạt quyền lực, đưa nước ta theo quỹ đạo của phương Tây.

- Sử dụng các tổ chức “xã hội dân sự” chính trị làm công cụ tuyên truyền tác động tư tưởng, lôi kéo quần chúng, những người có tâm tư

Đấu tranh ngăn chặn, vô hiệu hóa âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch lợi dụng “xã hội dân sự” chống phá Việt Nam trong chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài.

bất mãn trong các giai tầng xã hội, các phân tử chống chủ nghĩa xã hội để tập hợp lực lượng quần chúng, chuẩn bị điều kiện kết hợp với các hoạt động gây mất ổn định chính trị - xã hội để phát động một cuộc “cách mạng đường phố”, thay đổi chế độ chính trị ở Việt Nam.

Đấu tranh ngăn chặn, vô hiệu hóa âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch lợi dụng “xã hội dân sự” chống phá Việt Nam trong chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài. Trước hết, chúng ta phải xác định đây là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, các ngành, các cấp, các lực lượng vũ trang.

Vấn đề đầu tiên đặt ra là phải thống nhất và nâng cao nhận thức về xã hội dân sự, phân biệt và đánh giá đúng vai trò, vị trí, tầm quan trọng của các tổ chức xã hội dân sự đích thực để tập trung lãnh đạo, định hướng cho các tổ chức này tuân thủ đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tích cực đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia, cảnh giác trước âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch, không để bị tác động, lôi kéo vào các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Không đánh đồng các tổ chức xã hội dân sự đích thực với các tổ chức “xã hội dân sự” theo mô thức của Phương Tây.

Tập trung đấu tranh làm thất bại âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch. Làm tốt công tác thông tin tuyên truyền, nâng cao tinh thần cảnh giác cho cán bộ, đảng viên và

quần chúng nhân dân các giai tầng xã hội để thấy rõ âm mưu của các thế lực thù địch trong việc cổ súy và sử dụng các tổ chức “xã hội dân sự” vào mục đích thay đổi thể chế chính trị ở Việt Nam. Từ đó, tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, đấu tranh chống “diễn biến hòa bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, phản động.

Các cơ quan chức năng cần làm tốt công tác nắm tình hình, tham mưu cho các cấp ủy đảng, chính quyền, tổ chức chính trị, đoàn thể quần chúng bảo vệ vai trò lãnh đạo của Đảng, không chấp nhận đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, không để hình thành tổ chức chính trị đối trọng với Đảng và Nhà nước. Kiên quyết giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, phục vụ đất nước ổn định và phát triển đúng định hướng xã hội chủ nghĩa ■

¹ Trích theo: Tạp chí Cộng sản: *Xã hội dân sự*, số 12 (132) năm 2007.



VỀ ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI VIỆT NAM TRONG QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

● GS, TS TRẦN VĂN BÌNH

Đất nước đang đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Đó là quy luật tất yếu của thời đại.

Bước vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế là bước vào một thời kỳ mà khoa học kỹ thuật, công nghệ, thâm nhập sâu sắc mọi lĩnh vực đời sống xã hội, từ sản xuất vật chất đến lĩnh vực sản xuất tinh thần, từ sinh hoạt cá nhân đến giao tiếp xã hội, từ lao động, học tập đến nghỉ ngơi giải trí... Tầm nhìn, cách suy nghĩ của mỗi con người không còn bị giới hạn trong địa phương

mình, trong quốc gia mình, mà thường xuyên được tiếp cận với những nhân tố mới ở mỗi quốc gia châu lục. Những điều đó chắc chắn sẽ dẫn đến sự “thanh lọc”, thậm chí có thể là một sự thay da đổi thịt trong đời sống của mỗi cá nhân, đặc biệt ở thế hệ trẻ - những người nhanh nhạy với cái mới, đồng thời cũng là những người chưa có nhiều trải nghiệm về các truyền thống của dân tộc. Thời cơ, thách thức đối với các quốc gia, đặc biệt những nước chưa có sự phát triển công nghiệp và chưa có điều kiện hội nhập sâu sắc với thế giới bên ngoài, là ở đây. Sự phát triển ồ ạt của

công nghệ hiện đại, mà tiêu biểu là cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 là một cuộc giải phóng lớn về trí tuệ, làm thay đổi cảm quan của con người về không gian, thời gian, về cái hữu hạn và vô hạn. Cái chân lý “tri thức là sức mạnh” không còn chỉ có ý nghĩa trên sách vở, trừu tượng, mà đã trở thành một thực thể sống động giúp con người tồn tại. Tri thức không chỉ là sức mạnh, mà còn là điều kiện để tồn tại, để phát triển. Đó là nhân tố mới, là yêu cầu mới mà thời đại đang đặt ra. Trước đây, con người có thể sống chỉ bằng kinh nghiệm của những người đi trước. Ngày nay tình hình đã thay đổi. Con người phải thường xuyên đối diện với những cái mới, những cái chưa từng có. Tư duy theo chủ nghĩa kinh nghiệm vốn là sản phẩm của nền văn minh nông nghiệp đang dần dần bị thay thế bởi tư duy khoa học. Với sự

Trước đây, con người có thể sống chỉ bằng kinh nghiệm của những người đi trước. Ngày nay tình hình đã thay đổi. Con người phải thường xuyên đối diện với những cái mới, những cái chưa từng có. Tư duy theo chủ nghĩa kinh nghiệm vốn là sản phẩm của nền văn minh nông nghiệp đang dần dần bị thay thế bởi tư duy khoa học.

xuất hiện và phổ biến của tư duy khoa học, cuộc sống của mỗi con người và của toàn xã hội sẽ trở nên năng động, tích cực. Mỗi con người và cả xã hội sẽ hình thành khả năng soát xét lại toàn bộ hành trang của mình: cái gì đã có, cái gì chưa có, cái gì cần mang theo, cái gì cần loại bỏ, cái gì cần bổ sung, toàn xã hội cũng như từng cá nhân sẽ hình thành thước đo mới: cái gì hợp lý thì tồn tại, cái gì không hợp lý thì không tồn tại. Tinh thần duy lý được sự hỗ trợ bởi tầm nhìn rộng lớn ra thế giới, càng kích thích sự tìm tòi sáng tạo, khắc phục sự trì trệ bảo thủ trong tư duy con người truyền thống của dân tộc. Những biến động gần đây trong xã hội đã báo hiệu sự xuất hiện những nhân tố mới trong đời sống, từ sản xuất vật chất, sản xuất tinh thần, quản lý xã hội v.v.. Khi người đứng đầu Chính phủ tuyên bố xây dựng một Chính phủ

kiến tạo, liêm khiết, minh bạch, thì tinh thần cơ bản của khẩu hiệu đó đòi hỏi các thành viên Chính phủ, từ người ở cương vị cao nhất, là phải vào cuộc, phải hành động như những người lao động bình thường, phải trong sáng trong lối sống, phải tiết kiệm từng đồng tiền thuế của nhân dân. Có nghĩa là các thành viên Chính phủ không còn là những người chỉ biết vạch ra kế hoạch để người khác thực hiện.

Về phía người dân cũng vậy. Nếu trước đây trong nền văn minh nông nghiệp, các hoạt động kinh tế còn rất giản đơn, số ngành nghề còn rất hạn chế. Ngoài trồng trọt và chăn nuôi là chủ yếu, các ngành nghề thủ công cũng phần lớn là các nghề truyền thống nhằm tự cung tự cấp. Tình hình đó không đòi hỏi và cũng không tạo điều kiện để người lao động tìm tòi sáng tạo trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh. Trái lại, tất cả chỉ làm theo kế hoạch phân bổ của Nhà nước. Việc hình thành nền kinh tế tập trung quan liêu bao cấp trước đây, dù là tất yếu trong thời kỳ cả nước có chiến tranh, nhưng nó đã để lại di sản khá nặng nề trong tư

duy, tâm lý, lối sống của người dân. Cho đến nay, sau hơn 30 năm đổi mới, bước vào kinh tế thị trường, nhưng cái tâm lý ỷ lại, bảo thủ, bình quân vẫn còn tồn tại trong đại bộ phận người dân, kể cả trong cán bộ, đảng viên. Việc khởi xướng phong trào khởi nghiệp tuy có chậm so với nhiều nước, kể cả một số nước trong khu vực, nhưng bước đầu đã làm thay đổi tư duy, lối sống, phong cách ở một số người, đặc biệt các bạn trẻ, trên một số lĩnh vực. Nếu trước đây hầu hết các bạn trẻ sau tốt nghiệp phổ thông đều muốn vào đại học, chỉ với mục đích sau khi học xong họ sẽ được vào biên chế nhà nước, và có đồng lương hàng tháng (dù lương còn thấp). Ngày nay đã xuất hiện ngày càng nhiều các bạn trẻ không đi theo quỹ đạo đó. Thậm chí có người xin ra khỏi biên chế để về quê mua đất làm nghề trồng hoa hoặc chăn nuôi, theo hướng kinh doanh. Để làm điều đó, họ sẵn sàng bỏ tiền đi tham quan và học tập kinh nghiệm ở cả trong hoặc ngoài nước, thuê chuyên gia về hướng dẫn v.v. để tạo thương hiệu. Kết quả việc làm của họ không chỉ làm giàu cho bản thân, gia

đình, mà còn tạo thêm công ăn việc làm cho nhiều người khác. Một số người trong đó đã được xã hội tôn vinh vì biết làm giàu cho gia đình và cho xã hội. Cứ như thế, cái tâm lý “ghét giàu có” từ xa xưa đã dần dần bị loại bỏ. Những tấm gương khởi nghiệp thành công đã xuất hiện ở mọi miền đất nước đang mang lại cho xã hội những niềm tin mới: tin vào ý chí dám nghĩ, dám làm; tin vào sức mạnh của khoa học, công nghệ, tin vào tác phong làm việc khoa học, tuân thủ nghiêm các thao tác công nghệ... Những niềm tin đó, nếu được phát huy, sẽ đẩy lùi tác phong lề mề, luộm thuộm, tùy tiện mà phương thức canh tác quá khứ đã tạo ra.

Cho đến nay, sau mấy thập kỷ tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, người dân Việt Nam chúng ta mới có dịp đặt ra những câu hỏi: tại sao năng suất lao động chúng ta thấp xa hàng chục lần so với các nước tiên tiến? Vì sao nông sản của chúng ta rất phong phú, đa dạng, mà giá bán lại thấp trên thị trường thế giới? Vì sao đất nước ta đẹp, nhiều danh thắng, nhiều di sản văn hóa mang tầm quốc

tế, mà lượng khách du lịch đến Việt Nam còn thấp? Những câu hỏi đó và nhiều câu hỏi khác đang khiến những người lãnh đạo và quản lý quốc gia, nhiều chuyên gia, khoa học và cả người dân đều trăn trở. Ở đây có vấn đề cơ chế, nhưng không phải chỉ là cơ chế, vì ai tạo ra cơ chế, chính là con người. Ở đây có vấn đề chất lượng sản phẩm. Nhưng sản phẩm là do con người làm ra. Như vậy trọng tâm vẫn là vấn đề con người, phẩm chất của con người, người quản lý và người lao động. Trả lời đúng câu hỏi trên cũng là cách chỉ ra cái chúng ta còn thiếu, và cả những cái chúng ta còn yếu so với các nước, về phương diện đào tạo nguồn nhân lực trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Thực tiễn mấy chục năm qua đã giúp chúng ta nhận ra những thiếu sót mà con người Việt Nam truyền thống chưa có để bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Nền văn minh nông nghiệp lúa nước và cơ chế tập trung quan liêu bao cấp trước đây đã để lại nhiều khuyết tật trong nếp nghĩ, tác phong, thậm chí cả tập quán của

người Việt Nam. Những cái đó đang là trở ngại lớn để bước vào thời kỳ lịch sử mới, đặc biệt khi đón nhận cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, khi chúng ta ngày càng gia nhập sâu hơn, nhiều hơn các hiệp định thương mại quốc tế.

Bước vào một cuộc chơi mới mang tính liên kết toàn cầu, mỗi quốc gia dân tộc đều phải tuân thủ những luật chơi chung. Vi phạm luật chơi đó thì tổn hại cho quốc gia, tức cho mỗi người dân, là điều không tránh khỏi. Những sản phẩm lao động của người nông dân, người công nhân, và của các nhà khoa học Việt Nam muốn có chỗ đứng trên thị trường thế giới đều

phải kinh qua việc kiểm tra chất lượng khá nghiêm ngặt. Việc kiểm tra đó chắc chắn phải được tiến hành từ trong nội địa, trong các địa phương trước khi được kiểm tra chặt chẽ ở các quốc gia mà hàng hóa của Việt Nam nhập vào. Đó là cơ chế của thời kỳ lịch sử mới, khi khoa học công nghệ không những đã thâm nhập mọi lĩnh vực của đời sống, mà còn trở thành lực lượng sản xuất hùng mạnh, và khi đời sống của các quốc gia dân tộc đã liên kết chặt chẽ với nhau thành một khối.

Như vậy, một xã hội công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế đòi hỏi ở mỗi con người, dù là



người lao động hay người quản lý phải có tư duy khoa học, tác phong công nghiệp, dám nghĩ, dám làm, luôn tìm tòi sáng tạo, tầm nhìn rộng lớn, vượt qua những định kiến xã hội hẹp hòi để học tập những kinh nghiệm sáng kiến và thành tựu của người khác, của các quốc gia khác.

Đối diện với những đòi hỏi của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, chúng ta dễ chỉ ra những khuyết tật, thiếu sót của con người truyền thống. Nhưng đừng quên rằng, qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, cha ông ta đã phải gồng mình vượt qua bao thử thách nghiệt ngã để tồn tại và xây dựng được một quốc gia độc lập, có nền văn hiến lâu đời, sáng danh với các tên gọi Văn Lang, Đại Việt trước đây và trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ ở thời đại Hồ Chí Minh. Cũng cần thấy thêm rằng về mặt kinh tế và kỹ thuật, công nghệ, thế giới đã trở thành một ngôi làng toàn cầu, nhưng về mặt văn hóa, xã hội và chính trị thì không như vậy. Các khoảng cách giữa các quốc gia không còn là vật chất, mà là văn hóa. Càng đồng dạng về vật chất, về ăn

mặc, tiêu dùng, con người càng khao khát tìm về cái bản sắc dân tộc riêng của mình. Người ta nói và nói rất đúng rằng các ngành công nghiệp văn hóa sẽ ngày càng phát triển, nhưng sẽ không bao giờ có một nền văn hóa thế giới. Văn hóa bao giờ cũng gắn với dân tộc, với những giá trị và truyền thống mà các dân tộc đã sáng tạo ra trong suốt chiều dài lịch sử của sự tồn tại và phát triển của mình. Cái bản sắc dân tộc bắt nguồn từ đó.

Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc không có nghĩa khôi phục nguyên xi các truyền thống đã có và dị ứng với các giá trị văn hóa của nhân loại. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở chúng ta điều đó.

Trong các huấn thị về xây dựng và phát triển văn hóa, con người, Bác Hồ chỉ ra rằng không phải cái gì cũ cũng bỏ, không phải cái gì cũng làm mới. Cái gì cũ mà xấu thì phải bỏ, cái gì cũ mà không xấu thì phải sửa lại cho hợp lý. Cái gì cũ mà tốt thì phải phát triển thêm. Cái gì mới mà hay thì phải làm. Phép biện chứng giữa truyền thống và hiện đại là ở đó. Chính với tư tưởng đó, Hồ Chí Minh

luôn đề cao chủ nghĩa yêu nước truyền thống, coi đó là báu vật của dân tộc, đề cao tính cộng đồng, lối sống tình nghĩa của dân tộc. Chính những giá trị đó không những đã góp phần tạo nên sức mạnh cố kết bền vững của dân tộc, mà còn tạo nên những chất liệu cần thiết để hình thành những công trình văn hóa lưu danh muôn đời. Sắc thái con người Việt Nam từ lâu được đặc trưng bởi những giá trị đó. Lịch sử cũng chứng minh rằng, khi các giá trị đó trở nên phổ biến trong xã hội, thì đó là dấu hiệu của thời kỳ ổn định và phát triển của đất nước. Khi các giá trị đó bị coi nhẹ, thì các quan hệ xã hội sẽ trở nên lỏng lẻo và suy yếu.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế là xu thế tất yếu của thời đại. Thông qua những thành tựu về khoa học, công nghệ, toàn cầu hóa là một sự mở rộng không gian của nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa cho đến tận cùng thế giới. Cũng qua sự phát triển của công nghệ Internet và các phương tiện thông tin truyền thông hiện đại, toàn cầu hóa cũng đang ẩn chứa nguy cơ một cuộc xâm lăng về văn hóa giữa các nước đã

phát triển đối với các nước đang phát triển và chậm phát triển. Trước tình hình đó, các quốc gia dân tộc không thể không tự đặt ra câu hỏi: Ta là ai? Ta từ đâu tới, và ta sẽ đi về đâu? Trả lời những câu hỏi đó cũng là cách tìm về và khẳng định những giá trị đích thực mà các thế hệ trước đây đã sáng tạo ra. Nhờ các giá trị đó, chúng ta sinh ra, lớn lên và tồn tại đến hôm nay. Những giá trị đó sẽ là nền tảng vững chắc để nuôi dưỡng, phát huy những hạt giống mới mà sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế đang mang tới. Tình hình đang diễn ra hiện nay là trong khi những phẩm chất cần thiết cho sự nghiệp xây dựng con người Việt Nam ở thời kỳ lịch sử mới chưa hình thành, thì dưới tác động của mặt trái của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và của hội nhập quốc tế, các giá trị đích thực của con người Việt Nam truyền thống đang có nguy cơ bị giảm sút, hoặc bị lãng quên, nhiều giá trị tiêu cực, lỗi thời, lạc hậu lại đang có nguy cơ trở dậy. Đó là vấn đề không thể bỏ qua khi bàn về định hướng xây dựng con người Việt Nam ở thời kỳ lịch sử mới ■

BỘ CHÍNH TRỊ RA QUY ĐỊNH KIỂM ĐIỂM, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG ĐẢNG VIÊN

Ngày 8/3/2018 Bộ Chính trị đã ban hành Quy định số 132-QĐ/TW về việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị. Quy định này quy định về nguyên tắc và những nội dung cơ bản để tổ chức thực hiện việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình; đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tổ chức, cơ quan, đơn vị, tập thể lãnh đạo, quản lý và cá nhân trong hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở.

Theo quy định này, về nguyên tắc, kiểm điểm, đánh giá, xếp loại phải đúng chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; đoàn kết, thống nhất; trung thực, khách quan, toàn diện; công bằng, công khai, minh bạch;

đúng thẩm quyền, trách nhiệm. Bảo đảm thống nhất, đồng bộ, liên thông trong cả hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở. Lấy phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống làm gốc; kết quả, hiệu quả công việc làm thước đo chủ yếu trong đánh giá, xếp loại hằng năm. Gắn trách nhiệm cá nhân với tập thể; người đứng đầu, cá nhân lãnh đạo, quản lý được phân công phụ trách lĩnh vực, địa bàn với kết quả hoạt động, hiệu quả công tác của địa phương, tổ chức, cơ quan, đơn vị.

Nội dung kiểm điểm tập trung làm rõ những thành tích nổi bật để phát huy, chỉ rõ những khuyết điểm, hạn chế, yếu kém; liên hệ với những biểu hiện suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; chỉ rõ nguyên nhân khuyết điểm, hạn chế, yếu kém, đề ra giải pháp và thời gian khắc phục.



Về tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm, Quy định nêu rõ: đối với các tổ chức, tập thể, có các tiêu chí về xây dựng tổ chức, tập thể; kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm; kết quả khắc phục những hạn chế, yếu kém đã được chỉ ra. Đối với cá nhân, có các tiêu chí về chính trị, tư tưởng; đạo đức, lối sống; ý thức tổ chức kỷ luật; tác phong, lễ lối làm việc; kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao trong năm và kết quả khắc phục những hạn chế, yếu kém

đã được chỉ ra.

Trên cơ sở kết quả đánh giá, tiến hành xếp loại chất lượng theo bốn mức: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ, không hoàn thành nhiệm vụ.

Việc kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể, cá nhân hằng năm được tiến hành trước khi tổng kết công tác năm của tổ chức, cơ quan, đơn vị.

Theo Quy định 132, *các tổ chức, cơ quan, đơn vị* sẽ bị đánh giá không

hoàn thành nhiệm vụ nếu có đơn vị trực thuộc xảy ra các vụ, việc tham ô, tham nhũng và các vi phạm khác bị xử lý theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước (trừ trường hợp tự phát hiện và khắc phục xong hậu quả); chỉ hoàn thành dưới 50% chỉ tiêu, nhiệm vụ công tác được cấp có thẩm quyền giao, phê duyệt trong năm, các chỉ tiêu chủ yếu không đạt 100% (trừ trường hợp bất khả kháng); Tập thể lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật hoặc có trên 20% số đơn vị trực thuộc bị kỷ luật trong năm cũng bị đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ.

Tập thể lãnh đạo, quản lý bị xếp vào mức không hoàn thành nhiệm vụ khi bị cấp có thẩm quyền đánh giá mất đoàn kết nội bộ; có thành viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; địa phương, tổ chức, cơ quan đơn vị do mình trực tiếp lãnh đạo, quản lý chỉ hoàn thành dưới 50% chỉ tiêu, nhiệm vụ công tác được cấp có thẩm quyền giao, phê duyệt trong năm, các chỉ tiêu chủ yếu không đạt 100% (trừ trường hợp bất khả kháng); bị xử lý

kỷ luật hoặc có thành viên bị kỷ luật trong năm.

Đối với cá nhân sẽ bị đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ khi bị cấp có thẩm quyền đánh giá có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; chỉ hoàn thành dưới 50% chỉ tiêu, nhiệm vụ công tác được giao trong năm, không hoàn thành 100% chỉ tiêu quan trọng, nhiệm vụ trọng tâm; bị xử lý kỷ luật trong năm.

Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý cũng bị đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ khi cơ quan, đơn vị, cá nhân thuộc quyền lãnh đạo, quản lý trực tiếp của mình liên quan đến tham ô, tham nhũng và bị xử lý kỷ luật theo quy định (trừ trường hợp tự phát hiện và khắc phục xong hậu quả).

Quy định này có hiệu lực từ ngày ký và thay thế các quy định trước đây về kiểm điểm, đánh giá, xếp loại hằng năm đối với các tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị. Quy định được phổ biến trong toàn hệ thống chính trị để thống nhất thực hiện ■

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT SỐ ĐIỀU TRONG QUY ĐỊNH SỐ 102-QĐ/TW, NGÀY 15-11-2017 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Ngày 22 tháng 03 năm 2018, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã ban hành Hướng dẫn Số: 04-HD/UBKTTW, hướng dẫn thực hiện một số Điều trong Quy định số 102-QĐ/TW, ngày 15-11-2017 của Bộ Chính trị về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm. Trong văn bản Hướng dẫn, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã cụ thể hóa một số điểm, một số khoản của 12 điều trong tổng số 37 điều của Quy định số 102.

Điều 1 của Quy định 102 xác định rằng nếu sau khi đảng viên chuyển công tác, nghỉ việc hoặc nghỉ hưu mới phát hiện vi phạm, việc xem xét kỷ luật vẫn được tiến hành. Bản Hướng dẫn xác định cụ thể hơn: *Đảng viên sau khi chuyển công tác, nghỉ việc hoặc nghỉ hưu và đã chuyển sinh hoạt đảng mới phát hiện có vi phạm ở nơi sinh hoạt đảng trước đây mà chưa được xem xét, xử lý thì tổ chức đảng cấp trên trực tiếp của các tổ chức đảng đó xem xét, xử lý theo quy định.*

- Khi đang xem xét, xử lý đảng viên vi phạm mà tổ chức đảng nơi đảng viên vi phạm đang sinh hoạt bị giải thể, sáp nhập, chia tách hoặc kết thúc hoạt động thì tổ chức đảng có thẩm quyền vẫn tiếp tục xem xét, xử lý hoặc báo cáo tổ chức đảng cấp trên trực tiếp của tổ chức đảng đó xem xét, xử lý kỷ luật đảng viên theo quy định.

Cụ thể hóa khoản 3, khoản 5 Điều 2 về nguyên tắc xử lý kỷ luật, Bản Hướng dẫn nêu rõ:

- Khi xem xét, xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm, phải làm rõ nội dung, tính chất, mức độ, tác hại, động cơ, nguyên nhân của vi phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và căn cứ vào thái độ tự giác, tinh thần quyết tâm sửa chữa khuyết điểm, vi phạm và khắc phục hậu quả đã gây ra, chứng cứ đến đâu kết luận đến đấy, không suy diễn. Đồng thời, phải xét hoàn cảnh lịch sử cụ thể, khách quan, toàn diện nhằm đạt mục tiêu, yêu cầu của nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng.

- Đảng viên vi phạm bị kỷ luật cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ) ở Khoản 2 của các điều từ Điều 7 đến Điều 34 thì tổ chức đảng có thẩm quyền căn cứ vào quy định nêu trên để xem xét, quyết định cụ thể: Cảnh cáo hoặc cách chức một, một số hoặc tất cả các chức vụ trong Đảng đối với đảng viên đó.

- Đảng viên vi phạm bị kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo, nếu xét thấy không còn đủ uy tín thì tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định cho miễn nhiệm hoặc đề nghị cho thôi giữ chức vụ đó.

- “Đảng viên vi phạm pháp luật đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì phải truy cứu trách nhiệm hình sự, không “xử lý nội bộ bị tòa án tuyên phạt tù hình phạt cải tạo không giam giữ trở lên thì phải khai trừ; nếu bị xử phạt bằng hình phạt thấp hơn cải tạo không giam giữ hoặc được miễn truy cứu trách nhiệm hình sự, bị xử phạt hành chính thì tùy nội dung, mức độ, tính chất, tác hại, nguyên nhân vi phạm và các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ mà xem xét, thi hành kỷ luật đảng một cách thích hợp,

- Cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy và Ủy ban kiểm tra từ cấp huyện trở lên khi phát hiện đảng viên vi phạm đến

mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì phải chuyển hồ sơ sang cơ quan tư pháp có thẩm quyền để xem xét, xử lý, không được giữ lại để xử lý nội bộ.

- Đảng viên vi phạm pháp luật đang bị cơ quan pháp luật có thẩm quyền thụ lý theo quy định của pháp luật thì tổ chức đảng không được can thiệp để đảng viên chỉ bị xử lý kỷ luật về Đảng, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc xử lý về chính quyền, đoàn thể.

Bản Hướng dẫn cũng làm rõ một số trong Quy định về Thời hiệu xử lý kỷ luật; Các trường hợp chưa xem xét, xử lý kỷ luật và không xử lý kỷ luật; Vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ; Vi phạm các quy định về bầu cử; Vi phạm trong công tác tổ chức, cán bộ; Vi phạm trong công tác phòng, chống tội phạm; Vi phạm về khiêu nài, tố cáo và giải quyết khiêu nài, tố cáo; Vi phạm quy định về kết hôn với người nước ngoài; Vi phạm quy định về chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình.

Hướng dẫn này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, các cấp ủy, tổ chức đảng, Ủy ban kiểm tra các cấp báo cáo Ủy ban Kiểm tra Trung ương xem xét, quyết định ■

TỌA ĐÀM VỀ CẢI CÁCH CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI



Ngày 24/3 tại Hà Nội, Hội đồng Lý luận Trung ương tổ chức tọa đàm khoa học “Cải cách chính sách bảo hiểm xã hội và cải cách chính sách tiền lương” - là vấn đề thiết thân với đông đảo nhân dân, công chức, viên chức, người lao động sẽ được Hội nghị Trung ương 7 vào tháng 5/2018 thảo luận.

Ủy viên Bộ chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ, Trưởng Ban Chỉ đạo Nhà nước về cải

cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội (BHXH) và chính sách ưu đãi người có công; Giáo sư Nguyễn Xuân Thắng, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Giáo sư Phùng Hữu Phú, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng cùng các thành viên Hội đồng Lý luận Trung ương, thành viên của Ban Chỉ đạo Nhà nước về cải cách chính sách tiền

lương, BHXH và chính sách ưu đãi người có công tới dự.

Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Phòng Hữu Phú cho biết tại Hội nghị Trung ương 7 khoá XII diễn ra vào tháng 5/2018, Trung ương sẽ bàn nhiều vấn đề quan trọng, trong đó vấn đề cải cách chính sách tiền lương và bảo hiểm xã hội là thiết thân với đông đảo nhân dân, đội ngũ cán bộ, công chức, người lao động trên đất nước. Đây là dịp quan trọng để Hội đồng tham gia góp ý để Ban Chỉ đạo hoàn thiện dự thảo Đề án cải cách chính sách tiền lương và Đề án cải cách chính sách BHXH trình Trung ương thảo luận, thông qua.

Theo Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ, trước đây việc xây dựng chính sách và quản lý lĩnh vực tiền lương, BHXH và ưu đãi người có công liên quan chặt chẽ với nhau, không phản ánh đúng bản chất của các lĩnh vực này. Cụ thể, quan hệ tiền lương theo nguyên tắc giá cả thù lao của sức lao động, BHXH theo nguyên tắc đóng- hưởng, chia sẻ rủi ro và chính sách ưu đãi người có công là

chính sách của Đảng, Nhà nước liên quan tới vấn đề an sinh xã hội. Ban Cán sự Đảng Chính phủ tập trung xây dựng 2 đề án riêng, gồm Đề án cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp và Đề án cải cách chính sách BHXH, nhưng có tính tương quan lẫn nhau. Đối với việc xây dựng Đề án cải cách chính sách ưu đãi người có công, Bộ Chính trị vừa ban hành Chỉ thị thực hiện nhiệm vụ này nên Ban Cán sự Đảng Chính phủ chưa xây dựng Đề án.

Để thực hiện nhiệm vụ chương trình toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương khoá XII, từ năm 2016, Ban Chỉ đạo đã triển khai nhiệm vụ để xây dựng Dự thảo Đề án, tham vấn hàng chục cơ quan Đảng, Chính phủ, các cơ quan của Quốc hội, TAND Tối cao, Viện KSND Tối cao, Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), Ngân hàng Thế giới (WB) và các quốc gia thực hiện tương đối hiệu quả chính sách tiền lương, BHXH,...

Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ cho rằng xây dựng việc xây dựng Đề

án cải cách chính sách tiền lương gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc. Trung ương đã 3 lần thảo luận cho ý kiến về Đề án này từ năm 2003 tới nay nhưng chưa thể thông qua nghị quyết về vấn đề này.

Theo Trưởng Ban Chỉ đạo, Đề án phải khắc phục được những khuyết điểm của chính sách tiền lương hiện nay là tiền lương trong khu vực Nhà nước còn bất cập, chưa theo kịp với khu vực thị trường, điều chỉnh lương của người đang làm việc chưa độc lập với điều chỉnh lương hưu và ưu đãi người có công, ảnh hưởng tới tính bền vững của BHXH,... đồng thời phải tiệm cận với các chuẩn mực thực hiện chính sách lương của quốc tế.

Đề án cũng đặt ra định hướng chi trả thu nhập của cán bộ, công chức theo thông lệ quốc tế là tỷ trọng lương chiếm không quá 70% thu nhập và phụ cấp không được quá 30% (hiện nay nhiều cơ quan, chức danh chi trả phụ cấp rất cao, làm méo mó quan hệ tiền lương - PV). Đồng thời, quy định thủ trưởng cơ quan, đơn vị có quyền chi khoản 10% quỹ tiền thưởng (trong lương) trả thêm cho người lao động hoàn

thành xuất sắc nhiệm vụ và có quỹ lương để thủ trưởng bộ, địa phương tuyển dụng nhân tài.

Bên cạnh đó, Đề án cũng bãi bỏ cách tính lương theo hệ số mà quy định về số tuyệt đối trong thang, bảng lương; xác định mức lương tối thiểu là mức sàn thấp nhất, được luật hóa, không ai được trả thấp hơn. Ngoài ra còn quy định mức lương tối thiểu giờ; bãi bỏ can thiệp của Nhà nước vào thang, bảng lương của doanh nghiệp, tiến tới liên thông giữa tiền lương khu vực công và tư.

Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ cho biết sau khi Đề án được thông qua thì từ năm 2021, cả nước mới bắt đầu thực hiện cải cách chính sách tiền lương.

Về nguồn cải cách tiền lương, Phó Thủ tướng cho biết từ nay, Chính phủ sẽ giữ lại 70% phần tăng thu ngân sách của địa phương, giữ lại 50% số vượt thu của ngân sách Trung ương để bổ sung tạo nguồn thực hiện từ năm 2021; tập trung chống xói mòn cơ sở thuế để củng cố nguồn lực cho ngân sách.

Về cải cách chính sách BHXH, Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ

cho biết Đề án thiết kế chính sách đa tầng, hướng tới phổ cập toàn dân, tuân thủ nguyên tắc đóng- hưởng và chia sẻ rủi ro.

Cụ thể, tầng thứ nhất là tiền trợ cấp của Chính phủ cho người cao tuổi (đang thực hiện) do BHXH chi trả, đồng thời bổ sung hình thức cho người thụ hưởng đóng thêm theo nguyên tắc đóng hưởng để hỗ trợ cho quỹ và nâng cao chất lượng chi trả. Tầng thứ hai là bao phủ đối tượng có thu nhập thì có đóng BHXH, trong đó Nhà nước hỗ trợ một phần việc tham gia BHXH cho nông dân, người nghèo, người thu nhập thấp để hình thành văn hóa đóng- hưởng. Phó Thủ tướng cho biết Việt Nam đã thành công với cách thức này khi hỗ trợ người khó khăn đóng bảo hiểm y tế. Tầng thứ ba là thiết kế chính sách hưu trí tự nguyện lưu thông với khối thị trường.

Bên cạnh đó, việc điều chỉnh lương hưu độc lập với điều chỉnh tiền lương công chức, khi có biến động lớn về chỉ số giá tiêu dùng (CPI) và phù hợp với NSNN. Đề án cũng đặt ra vấn đề điều chỉnh tuổi hưu để bảo đảm tính bền vững của

Quỹ BHXH, tập trung theo phương án điều chỉnh tăng tuổi từ 1/1/2021 theo lộ trình với người lao động bình thường trong điều kiện lao động bình thường tăng thêm mỗi năm 3 tháng cho đến khi nam đủ 62 tuổi, nữ đủ 60 tuổi.

“Nếu không bàn tới tăng tuổi nghỉ hưu thì khó bảo đảm quỹ. Quyết định này có tác động lâu dài hàng chục năm nhưng phải hành động mau lẹ trong thời gian ngắn. Bài học Italy điều chỉnh 4 tuổi nghỉ hưu trong 10 năm đã làm cho thị trường lao động rối loạn trong 20 năm sau này”, Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ cho biết.

Tại cuộc tọa đàm, các thành viên Hội đồng Lý luận Trung ương bày tỏ đồng tình với các quan điểm, cách thức xây dựng 2 Đề án, nhấn mạnh Ban Chỉ đạo, Chính phủ cần tăng cường truyền thông để các cấp uỷ, chính quyền, cán bộ, công chức, viên chức nhận thức rõ được tính cấp bách của vấn đề cải cách tiền lương, BHXH để đưa chủ trương, chính sách đi vào cuộc sống, khơi thông nguồn lực con người cho phát triển kinh tế- xã hội của đất nước ■

SƠ KẾT MỘT NĂM THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHỐI HỢP GIỮA THÀNH ỦY HÀ NỘI VÀ HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG



Chiều 28-3, đồng chí Hoàng Trung Hải, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội và đồng chí Nguyễn Xuân Thắng, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, đã đồng chủ trì hội nghị sơ kết 1 năm thực hiện chương trình phối hợp công tác giữa Thành ủy Hà Nội và Hội đồng Lý

luận Trung ương, triển khai nhiệm vụ năm 2018.

Sau một năm tổ chức thực hiện, Chương trình phối hợp giữa Hội đồng Lý luận Trung ương và Thành ủy Hà Nội giai đoạn 2017-2021 bước đầu đã được triển khai hiệu quả, thực chất và bám sát kế hoạch đề ra. Hai cơ quan đã phối hợp tổ chức tọa đàm khoa học về “Đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, chống

‘diễn biến hoà bình’ nói chung trên địa bàn Hà Nội trong giai đoạn gần đây - Thực trạng, vấn đề và giải pháp”. Qua đó, đã đề xuất một số giải pháp thiết thực, khả thi nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, chống “diễn biến hoà bình” trên địa bàn Hà Nội trong tình hình hiện nay.

Hai cơ quan đã phối hợp tổ chức nghiên cứu, khảo sát thực tiễn tại một số địa phương trên địa bàn Hà Nội và tọa đàm khoa học, qua đó cung cấp thêm các luận cứ để xây dựng dự thảo Báo cáo tư vấn trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư, góp phần chuẩn bị nội dung Hội nghị Trung ương 6 khóa XII.

Hội đồng Lý luận Trung ương đã phối hợp, tham gia cùng Thành ủy Hà Nội xây dựng Chương trình nghiên cứu khoa học trọng điểm TP Hà Nội “Những luận cứ khoa học và thực tiễn cho việc đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội XVI Đảng bộ thành phố, định hướng phát triển Thủ đô giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030”. Tại hội nghị, các đại biểu đã đóng góp nhiều ý kiến khẳng định, chương

trình phối hợp đã giúp nâng tầm vóc và tăng thêm năng lực cho hai cơ quan. Để tiếp tục triển khai chương trình phối hợp hiệu quả và thiết thực hơn, các ý kiến thống nhất cho rằng, trong thời gian tới cần tăng cường cơ chế đặt hàng dựa trên thế mạnh của mỗi bên, chọn việc thiết thực, có kế hoạch cụ thể, làm đến nơi đến chốn. Trong đó, chú trọng giúp Hà Nội những vấn đề lý luận để giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn quá trình lãnh đạo, chỉ đạo.

Trên quan điểm tập trung khai thác những thế mạnh của Hội đồng Lý luận Trung ương cũng như những vấn đề mang tính trọng tâm, cơ bản của thành phố, hai cơ quan thống nhất các nội dung chương trình phối hợp triển khai trong năm 2018 nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, tư vấn chính sách cho thành phố, Đảng và Nhà nước.

Hai bên thống nhất phối hợp, tổ chức thực hiện hiệu quả chương trình nghiên cứu khoa học trọng điểm của thành phố; tham gia nghiên cứu, đánh giá, phản biện giúp Hà Nội hoàn chỉnh Đề án xây dựng thí điểm

mô hình chính quyền đô thị, xây dựng giáo trình đào tạo riêng về bồi dưỡng, cập nhật kiến thức gắn với nâng cao kỹ năng thực tiễn để cán bộ chủ chốt của Hà Nội phải tiên phong về nhận thức. Đồng thời, tăng cường hơn nữa sự phối hợp, tư vấn của Hội đồng Lý luận Trung ương đối với việc đấu tranh chống “diễn biến hòa bình”, chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, bảo vệ nền tảng tư tưởng trên địa bàn thành phố, tạo sự đồng thuận xã hội.

Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương Nguyễn Xuân Thắng nhấn mạnh, phát huy những kết quả tích cực trong một năm qua, thời gian tới, sự phối hợp giữa hai cơ quan phải được tiến hành thường xuyên, cụ thể và bám sát những nội dung mà Hà Nội cần. Đồng chí Nguyễn Xuân Thắng cũng gợi mở, cần tập trung nghiên cứu, đánh giá kết quả thi hành Luật Thủ đô và kết quả 10 năm thực hiện Nghị quyết 15/2008/QH12 của Quốc hội (khóa XII) về “Việc điều chỉnh địa giới hành chính TP Hà Nội và một số tỉnh có liên quan”, từ đó chỉ ra những vấn đề còn tồn tại, bất cập...

Kết luận hội nghị, Bí thư Thành ủy Hà Nội Hoàng Trung Hải đồng ý với

những nội dung hợp tác giữa hai cơ quan trong năm 2018. Bí thư Thành ủy nhấn mạnh, bên cạnh những vấn đề trên, Hà Nội cũng đang đối mặt với những thách thức của siêu đô thị - đó là tăng dân số cơ học nhanh dẫn đến quá tải về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, sự du nhập văn hóa dẫn đến mai một các giá trị truyền thống... Đây là những vấn đề mà Hà Nội rất quan tâm, cần sự phối hợp của Hội đồng Lý luận Trung ương để góp phần giải quyết những thách thức này, giúp bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội của Thủ đô. Bí thư Thành ủy cũng mong muốn Hội đồng Lý luận Trung ương phối hợp với Thành ủy Hà Nội trong việc xây dựng báo cáo chính trị Đại hội XVII Đảng bộ thành phố, trong đó chỉ ra những xu thế phát triển mới của Thủ đô. Đặc biệt, Hà Nội đang đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, chuyển sang đào tạo kỹ năng và theo chức danh, do vậy rất cần sự tham gia phối hợp của Hội đồng Lý luận Trung ương, nhất là trong việc xây dựng bộ giáo trình chuẩn về đào tạo chức danh lãnh đạo, quản lý từ xã, phường đến quận, huyện, thành phố ■

HỘI THẢO KHOA HỌC

“PHÊ PHÁN CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, BẢO VỆ CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG”

Thực hiện chương trình công tác năm 2018, ngày 30-3, Hội đồng Lý luận Trung đã tổ chức Hội thảo khoa học “Phê phán các quan điểm sai trái, bảo vệ chủ trương, đường lối của Đảng”.

Dự và chủ trì Hội thảo có GS, TS Phùng Hữu Phú, Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương, các đồng chí thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương và đồng đạo các nhà khoa học thuộc các viện nghiên cứu, học viện, nhà trường, các tướng lĩnh trong lực lượng vũ trang nhân dân.

Phát biểu đề dẫn Hội thảo, Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, GS Vũ Văn Hiến nêu rõ: Từ sau Đại hội XII tới nay, cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận của Đảng ta tiếp tục diễn ra trong bối cảnh và yêu cầu mới mang tính phức tạp và quyết liệt hơn. Sự kiên định con đường đi lên chủ

nghĩa xã hội mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn luôn là chủ đề mà các thế lực thù địch bóp méo, xuyên tạc, phủ nhận bằng đủ các luận điệu khác nhau. Bởi vậy, việc đấu tranh phê phán các quan điểm sai trái, thù địch không chỉ làm thất bại âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch trên lĩnh vực lý luận, mà còn góp phần thúc đẩy sự phát triển công tác nghiên cứu lý luận, nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, hoàn thiện đường lối đổi mới của Đảng, bảo vệ chế độ, bảo vệ Đảng, bảo vệ nhân dân. Với tinh thần ấy, Hội thảo lần này tập trung vào 4 nhóm vấn đề: (1) Các vấn đề chung về đấu tranh tư tưởng - lý luận; (2) Phê phán, bác bỏ quan điểm cổ súy cho “tam quyền phân lập” ở Việt Nam hiện nay; (3) Phê phán, bác bỏ các quan điểm cổ súy cho “xã hội dân sự” ở Việt Nam hiện nay; (4) Phê phán,

bác bỏ các quan điểm sai trái xuyên tạc cuộc đấu tranh chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay.

Với hơn 30 tham luận gửi về hội thảo và hơn 10 ý kiến trao đổi tại hội thảo đã tập trung phân tích sâu sắc các quan điểm sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch về nền tảng tư tưởng của Đảng, về vấn đề tam quyền phân lập, về vai trò của xã hội dân sự cũng như vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng hiện nay... đồng thời làm rõ nhiều căn cứ về lý luận, thực tiễn của quốc tế cũng như Việt Nam trong đấu tranh, phản bác các luận điểm xuyên tạc nêu trên. Nhiều ý kiến nhấn mạnh phải kiên quyết đấu tranh bác

bỏ các lý thuyết, tư tưởng, quan điểm hoàn toàn đối lập, vu cáo, xuyên tạc của những thế lực, nhóm phái, cá nhân phản động, thù địch, giả hiệu “dân chủ, cấp tiến”, nhưng thực chất có tham vọng và cơ hội về chính trị, xét lại về tư tưởng, lý luận. Mặt khác cũng cần kiên trì, thận trọng, bình tĩnh phân tích, phê phán những ý kiến sai trái, sai lầm, lệch lạc của một số người ngộ nhận, bị lợi dụng, nhận thức còn nông cạn, hạn chế.

Hội thảo cũng đề xuất nhiều giải pháp thiết thực, khả thi, góp phần nâng cao tính thuyết phục cũng như hiệu quả cuộc đấu tranh phê phán các quan điểm sai trái, bảo vệ chủ trương, đường lối của Đảng ■

